

DANH MỤC HỌC LIỆU TOÁN HỌC

TT	Mã vạch	Nhan đề	Nhà xuất bản	Năm xb	Tài liệu in
1	DT(30):TH.001613-42	Bài tập Đại số tuyến tính và hình học giải tích / Khu Quốc Anh, Nguyễn Anh Kiệt,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia	2001	30
2	DT(9):TH.001480-1, TH.002372-8	720 câu hỏi trắc nghiệm Đại số và giải tích : Luyện thi tốt nghiệp THPT - Đại học / Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Văn Lộc, Trần Quang Tài,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2007	9
3	DT(8):TH.001268-75	720 câu hỏi bài tập Đại số - giải tích : Luyện thi tốt nghiệp THPT, Đại học & Cao đẳng / Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Văn Lộc, Trần Quang Tài,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2009	8
4	MN(2):MN.020249-50	Mathematics for elementary teachers : An activity approach / Albert B. Bennett, L. Ted Nelson, Laurie J. Burton	McGraw-Hill	2004	2
5	MN(3):MN.015175-7	Mathematics for elementary teachers : A conceptual approach / Albert B. Bennett, L. Ted Nelson	McGraw-Hill	2004	3
6	MN(1):MN.015174	Mathematics for elementary teachers : An activity approach / Albert B. Bennett, L. Ted Nelson	McGraw-Hill	2004	1
7	DT(9):TH.002387-95	Bộ đề thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường chất lượng cao và trường chuyên môn Toán / Lưu Xuân Tình (Chủ biên),...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2015	9
8	VE(1):VE.000258	Fundamentals of college mathematics / John C. Brixey, Richard V. Andree	McGram-Hill	2005	1
9	DT(10):TH.002032-41	Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Toán lớp 11 : Định hướng dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thiết kế bài học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng / PGS.TS Bùi Văn Nghị, TS. Trần Trung, ThS. Nguyễn Tiến Trung	Đại học Sư phạm	2010	10
10	DT(2):TH.001459-60	Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Toán lớp 12 : Định hướng dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thiết kế bài học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng / PGS.TS Bùi Văn Nghị, Nguyễn Tiến Trung, Nguyễn Thế Thạch	Đại học sư phạm	2010	2
11	GT(10):GT.040460-9	Giáo trình phương pháp dạy học những nội dung cụ thể môn Toán / PGS. TS Bùi Văn Nghị	Đại học Sư phạm	2011	10
12	DT(20):TH.001556-60, TH.001860-74	Vận dụng lý luận vào thực tiễn dạy học môn toán ở trường phổ thông : Sách chuyên khảo dành cho hệ đào tạo Sau Đại học / GS.TS Bùi Văn Nghị	Đại học Sư phạm	2014	20
13	DT(3):TH.003656-8	Các đề thi vô địch toán của các nước. T.1 : (19 nước)	Hải Phòng	1993	3
14	DT(3):TH.003659-61	Các đề thi vô địch toán của các nước. T.2 : (19 nước)	Hải Phòng	1993	3
15	DT(4):TH.004691-4	Các bài giảng luyện thi môn toán. Tập 3 : Dùng cho học sinh PTTH luyện thi vào Đại học, Cao đẳng / Phan Đức Chính,...[và những người khác]	Giáo dục	1995	4

16	DT(17):TH.002638-46, TH.004614-21	Các đề thi olympic toán sinh viên toàn quốc / Chủ biên: Nguyễn Văn Mậu, Lê Ngọc Lăng,...[và những người khác]	Giáo dục	2006	17
17	GD(18):GD.002502-19	Chương trình giáo dục Đại học đào tạo giáo viên Trung học phổ thông theo hệ thống tín chỉ sư phạm Toán học	Đại học Quốc gia	2013	18
18	DT(8):TH.002918-25	Chuyên đề đạo hàm & khảo sát hàm số : Bồi dưỡng học sinh giỏi - Luyện thi Đại học / Nguyễn Văn Lộc, ...[và những người khác]	Đại học Quốc gia	2010	8
19	DT(5):TH.000487-91	Chuyên đề toán tổ hợp - Thống kê - Xác suất - Số phức bồi dưỡng học sinh giỏi - Luyện thi Đại học : Tổ hợp, thống kê, xác suất, số phức, phương pháp "tổ hợp hoá" và "số phức hoá" trong giải toán phổ thông / Nguyễn Văn Lộc,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2010	5
20	GD(18):GD.002264-81	Chuyên đề bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông môn Toán học	Đại học Quốc gia	2013	18
21	MN(5):MN.000400-4	Contemporary mathematics in context : Course. 2: a unified approach	Glencoe	2005	5
22	MN(5):MN.000405-9	Contemporary mathematics in context : Course.3B: A unified approach	Glencoe	2005	5
23	MN(1):MN.015307	Contemporary mathematics in context: A unified approach : Course 4 part B / Arthur F. Coxford, James T. Fey, Christian R. Hirsch{et al.}	Glencoe McGraw - Hill	2004	1
24	NN(1):NN.001362	Core-plus mathematics :. Course 2 : Contemporary mathematics in context / Chritian R Hirsch, ...[và những người khác]	Mc Graw-Hill	2015	1
25	NN(1):NN.001361	Core-plus mathematics :. Course 3 : Contemporary mathematics in context / Chritian R Hirsch, ...[và những người khác]	Mc Graw-Hill	2015	1
26	NN(1):NN.001383	Core-Plus Mathematics : Preparation for Calculus: Algebra and Functions. Geometry and Trigonometry. Statistics and Probability. Discrete Mathematisc / Christian R. Hirsch,...[et al.]	McGraw-Hill	2015	1
27	VE(1):VE.000845	What is mathematics? / Richard Courant, Herbert Robbins	Oxford University Press	2006	1
28	GT(10):GT.040869-78	Cơ sở lí thuyết hệ động lực vô hạn chiều / Cung Thế Anh	Đại học Sư phạm	2012	10
29	DT(10):TH.004442-51	Hệ động lực trong cơ học chất lỏng : (Sách chuyên khảo phục vụ đào tạo sau đại học) / Cung Thế Anh	Đại học sư phạm	2017	10
30	DT(1):TH.004505	Đại số và giải tích 11 / Trần Văn Hạo(Tổng chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2019	1
31	VE(1):VE.000632	Computability & Unsolvability / Martin Davis	McGraw-Hill book Company	2006	1
32	MN(2):MN.013074-5	Dix exposes sur la cohomologie des schemas	North-holland publishing company-amsterdam	2006	2
33	NN(4):NN.001233-6	Nonnegative matrices, positive operators and applications / Jiu Ding, Aihui Zhou	World Scientific	2009	4
34	VE(1):VE.000720	Why math? / R. D. Driver	Springer-Verlag	2006	1
35	DT(7):TH.002746-52	Đường lên đỉnh Olympia Toán học lý thú / Tuyển chọn: Ngọc Bảo	Văn hóa Thông tin	2001	7
36	DT(9):TH.001541-9	500 bài tập toán chọn lọc cơ bản và nâng cao 11 / PGS.TS Đậu Thế Cấp, Trần Minh Quới, Nguyễn Văn Quí	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2009	9
37	DT(11):TH.004034-44	Nâng cao năng lực dạy và học toán. Tập 1 / Đỗ Ngọc Đạt.	Giáo dục	1995	11
38	DT(9):TH.004045-53	Nâng cao năng lực dạy và học toán /. Tập 2 / Đỗ Ngọc Đạt.	Giáo dục	1995	9

39	DT(30):TH.003864-93	Toán học đại cương. Tập 1 : Sách viết theo chương trình toán A bậc Đại học đại cương của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1995 / Đoàn Tam Hoà.	Giáo dục	1997	30
40	DT(10):TH.002652-61	500 Bài toán cơ bản và mở rộng 11 / Dương Đức Kim, Đỗ Duy Đồng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	10
41	DT(2):TH.001090-1	500 bài toán 12 cơ bản và mở rộng : Dùng cho học sinh lớp 12. Luyện thi tú tài và các kỳ thi quốc gia / Dương Đức Kim, Đỗ Duy Đồng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	2
42	DT(5):TH.003667-71	Đại số tuyến tính và hình học :. Tập 2, Đại số tuyến tính và hình học AFIN : Sách dùng chung cho các trường Đại học Sư phạm / Đoàn Quỳnh (Chủ biên), Văn Như Cương, Hoàng Xuân Sính.	Giáo dục	1988	5
43	DT(5):TH.003672-6	Đại số tuyến tính và hình học. Tập 3, Dạng toàn phương và hình học của dạng toàn phương / : Sách dùng chung cho các trường Đại học sư phạm / Đoàn Quỳnh (Chủ biên), Văn Như Cương, Hoàng Xuân Sính.	Giáo dục	1989	5
44	DT(2):TH.001018-9	Tuyển tập các bài toán chọn lọc đại số và giải tích 12 : Với 898 đề toán dành cho học sinh các lớp chuyên, lớp chọn và luyện thi đại học / Đỗ Thanh Sơn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	2
45	DT(10):TH.002024-31, TH.004567-8	Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Toán lớp 10 : Định hướng dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thiết kế bài học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng / GS.TS Đào Tam, TS Chu Trọng Thanh, Th.S Nguyễn Chiến Thắng	Đại học Sư phạm	2010	10
46	GT(58):GT.017058-62, GT.017091-3, GT.017098- 104, GT.017124-35, GT.017139, GT.038560- 84, GT.050911-5	Tổ chức hoạt động nhận thức trong dạy học môn toán ở trường Trung học phổ thông / GS.TS. Đào Tam(Chủ biên), TS. Trần Trung	Đại học Sư phạm	2010	58
47	DT(10):TH.004322-31	Cơ sở lý thuyết hàm hình học / GS.TSKH Đỗ Đức Thái	Đại học sư phạm	2011	10
48	NN(1):NN.001342	Everyday mathematics The university of Chicago School Mathematics project : Student Reference Book	Mc Graw Hill,	2012	1
49	NN(1):NN.001532	Everyday mathematics : The university of chiacago school mathematics project. Student Reference Book	MCGraw-Hill Education	2012	1
50	NN(1):NN.001473	Everyday mathematics : The university of chicago school mathematics project. My reference book	McGraw-Hill	2012	1
51	NN(1):NN.001341	Everyday mathematics The university of Chicago School Mathematics project . : Student Reference Book	Mc Graw Hill	2012	1
52	NN(1):NN.001343	Everyday mathematics The university of Chicago School Mathematics project : Student Reference Book	Mc Graw Hill,	2012	1
53	NLN(4):NLN.006550-3	Ao thuật toán học / Matin Ganơ	Khoa học và kỹ Thuật	2003	4
54	VE(1):VE.000277	Mathematical structures for computer science / Judith L. Gersting	W.H. Freeman and company	2004	1
55	DT(5):TH.002834-8	Giải toán đại số và giải tích 11 : (Dùng cho học sinh các lớp chuyên) / Trần Thành Minh(Chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục	2003	5
56	NN(4):NN.001278-81	Random polymer models / Giambattista Giacomini	Imperial College Press,	2007	4

57	GT(4):GT.017948-50, GT.038108	Giáo trình Toán học : Dành cho hệ Dự bị đại học	Đại học Cần Thơ	2013	4
58	GT(80):GT.034791-870	Giáo trình Toán học / Chủ biên: Nguyễn Duy Bình, Nguyễn Ngọc Bích...[và những người khác]	Đại học Vinh	2020	80
59	NN(5):NN.001159-63	The descent map from automorphic representations of $GL(n)$ to classical groups / David Ginzburg, Stephen Rallis, David Soudry	World Scientific	2011	5
60	DT(11):TH.003633-43	Giúp ôn tập tốt môn toán cao cấp. Tập 1, học kỳ I : (Dùng cho sinh viên các trường Đại học kỹ thuật) / GS.TS Lê Ngọc Lăng, ...[và những người khác].	Giáo dục	1997	11
61	DT(1):TH.003644	Giúp ôn tập tốt môn toán cao cấp. T.2 : (Dùng cho sinh viên các trường Đại học kỹ thuật) / GS.TS Lê Ngọc Lăng, ...[và những người khác]	Giáo dục	1998	1
62	DT(11):TH.003645-55	Giúp ôn tập tốt môn toán cao cấp. T.3: Học kỳ III: (Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật) / Lê Ngọc Lăng, ...[và những người khác]	Giáo dục	1998	11
63	MN(1):MN.018444	Schémas aux différences / S. Godounov, V. Riabeni	Éditions mir	2006	1
64	VE(1):VE.000320	Finite mathematics and its applications / Larry Goldstein, David I. Schneider	Prentice-Hall	2003	1
65	MN(1):MN.015602	Hot words, hot topics : Math users handbook	McGraw-Hill	2004	1
66	DT(9):TH.002264-72	Hướng dẫn ôn luyện thi trung học phổ thông quốc gia môn Toán / Bùi Văn Nghị, ...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2015	9
67	DT(12):TH.002176-87	Phương pháp dạy học toán học ở Trường phổ thông Trung học cơ sở / Hoàng Chúng.	Giáo dục	1997	12
68	DT(10):TH.004402-11	Hợp tác trong dạy học môn toán / Hoàng Lê Minh	Đại học sư phạm	2017	10
69	DT(15):TH.002773-87	Lăng mạn toán học / Hoàng Quý.	Giáo dục	1997	15
70	MN(1):MN.021058	The IMO compendium : A collection of problems suggested for the international mathematical olympiads: 1959-2009 / Dusan Djukic...[et al.]	Springer	2011	1
71	MN(1):MN.015474	Interactive mathematics : Activities & investigations	McGraw-Hill	2006	1
72	NN(2):NN.001211-2	Information theory and the central limit theorem / Oliver Johnson	Imperial College Press	2004	2
73	VE(1):VE.000134	Introduction to finite mathematics / John G. Kemeny, J. Laurie Snell, Gerald L. Thompson	Prentice-Hall	2007	1
74	DT(3):TH.002843-5; GT(13):GT.039831-43	Các đề thi học sinh giỏi toán ở Mỹ / Gilbert Kessler, Lawrence Zimmerman.	Giáo dục	1998	16
75	NN(30):NN.000929-58	Metrics, norms and integrals : An introduction to contemporary analysis / Koliha, J J	World Scientific publishing	2008	30
76	MN(2):MN.017059, MN.018597	Cours e'le'mentaire de mathe'matiques sup'erieures / V. Koudriavtsev, B. De'midovitch	Mir	2006	2
77	MN(2):MN.016939-40	Cours élémentaire de mathématiques supérieures / V. Koudriavtsev, B. Démidovitch	Mir	2006	2
78	NN(1):NN.000725	Functional analysis / Kōsaku Yosida	Springer-Verlag	1995	1

79	NN(8):NN.001289-96	Topics on stability and periodicity in abstract differential equations. Vol. 6, Series on concrete and applicable mathematics / James H Liu, Gaston M N Guerekata, Nguyen Van Minh	World Scientific	2008	8
80	GT(5):GT.040800-4	Logic, suy luận toán học và kỹ thuật đếm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2020	5
81	DT(3):TH.002173-5	Luyện giải đề trước kỳ thi Đại học tuyển chọn và giới thiệu đề thi Toán học : Dành cho học sinh lớp 12 ôn tập và thi Đại học - Cao đẳng. Biên soạn theo nội dung và cấu trúc đề thi của Bộ GD và ĐT / Tổng chủ biên: Phạm Hồng Danh....[và những người khác]	Đại học Quốc gia	2013	3
82	DT(6):TH.003157-62	360 bài toán chọn lọc hình học giải tích : Ôn thi đại học theo phương pháp mới / Lê Quang Ánh, Nguyễn Thành Dũng, Trần Thái Hùng.	Giáo dục	1997	6
83	DT(3):TH.004281-3	Các bài thi học sinh giỏi toán PTTH toàn quốc : Từ 1962 đến 1991 / Lê Hải Châu.	Giáo dục	1994	3
84	DT(4):TH.003089-91, TH.003196	Thi vô địch toán Quốc tế : Giới thiệu cách tổ chức. Những kiến thức cần nắm vững. Đề bài, cách giải và lời bình. Phụ lục Đề thi toán quốc tế 1992 tại CHLB Nga / Lê Hải Châu.	Tp. Hồ Chí Minh	1992	4
85	DT(9):TH.002352-7, TH.004555-7	Ôn luyện toán cao cấp / Lê Đình Định	Giáo dục Việt Nam	2014	9
86	DT(4):TH.001188-91	40 đề kiểm tra trắc nghiệm toán 11 : Soạn theo hướng cải tiến ra đề kiểm tra chất lượng của Bộ GD & ĐT / Lê Hồng Đức, Lê Hữu Trí, Lê Bích Ngọc	Đại học Sư phạm	2007	4
87	DT(3):TH.002459-61	40 đề kiểm tra trắc nghiệm toán 12 : Soạn theo hướng cải tiến ra đề kiểm tra chất lượng của Bộ Giáo dục và đào tạo / Lê Hồng Đức (Chủ biên), Lê Hữu Trí, Lê Bích Ngọc	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	3
88	DT(4):TH.002625-8	Phương pháp giải toán : Hệ vô tỉ. Hệ chứa dấu trị tuyệt đối / Chủ biên: ThS Lê Hồng Đức, Nhà giáo ưu tú Đào Thiện Khải, Lê Bích Ngọc	Đại học sư phạm	2009	4
89	DT(9):TH.002101-3, TH.002199-204	Học và ôn tập toán đại số và giải tích 11 : Biên soạn theo SGK mới của Bộ giáo dục và Đào tạo. Dùng cho học sinh ban A và luyện thi đại học / Lê Bích Ngọc, Lê Hồng Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	9
90	DT(8):TH.001182-7, TH.002404-5	10 trọng điểm luyện thi Đại học - Cao Đẳng môn Toán : Dành cho học sinh lớp 10, 11, 12 chương trình chuẩn và nâng cao. Ôn tập và nâng cao kỹ năng làm bài. Biên soạn theo nội dung và cấu trúc đề thi của Bộ GD và ĐT / ThS. Nhà giáo ưu tú: Lê Hoàng Phò	Tổng hợp	2013	8
91	GT(15):GT.019111-6, GT.038752-9, GT.050247	Giới thiệu và giải chi tiết Bộ đề thi thử trọng tâm môn Toán : Bám sát cấu trúc đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng mới nhất của Bộ GD và ĐT / TS Lê Xuân Sơn, ThS Lê Khánh Hưng, ThS Lê Mạnh Linh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2013	15
92	DT(10):TH.003709-15, TH.004558-60	Ôn luyện toán sơ cấp. Tập 2, Lượng giác, hình học, tích phân, tổ hợp, xác suất và số phức / Lê Đình Thịnh, Lê Đình Định.	Giáo dục Việt Nam	2011	10
93	MN(1):MN.015161	Mathematics : Course 3: Application and connections	McGraw-Hill	2006	1
94	MN(2):MN.015162-5	Mathematics	McGraw-Hill	2006	4

95	DT(6):TH.004088-93	Một số phương pháp chọn lọc giải các bài toán sơ cấp. Tập 1 : Tài liệu dùng cho học sinh chuẩn bị thi vào các trường đại học và bồi dưỡng học sinh giỏi toán / Phan Đức Chính,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	6
96	DT(10):TH.003716-25	1000 bài tập trắc nghiệm môn toán .. Tập 1, Phân loại và phương pháp giải. Các chủ đề về đại số & Giải tích / Trần Văn Hạo (Chủ biên),...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2007	10
97	DT(6):TH.004094-9	Một số phương pháp chọn lọc giải các bài toán sơ cấp. Tập 2 : Tài liệu dùng cho học sinh thi vào Đại học và bồi dưỡng học sinh giỏi toán / Phan Đức Chính,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	6
98	DT(10):TH.003726-35	1000 bài tập trắc nghiệm môn toán. Tập 2, Phân loại và phương pháp giải. Các chủ đề về lượng giác - hình học - xác suất thống kê / Trần Văn Hạo (Chủ biên),...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	10
99	MN(4):MN.015170-3	Essentials of mathematics for elementary teachers : An activity approach / Gary L. Musser,...[et all]	Wiley	2004	4
100	GT(10):GT.021184-8, GT.022719-23	Giáo trình lịch sử toán học / Mai Xuân Thảo, Trần Trung	Giáo dục Việt Nam	2014	10
101	DT(9):TH.002092-100	500 bài toán chọn lọc lớp 11 / Hàn Liên Hải, ...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	9
102	DT(5):TH.002898-902	Từ điển bách khoa phổ thông : Toán học 1 / S. M. Nikolski; Ng.d. Hoàng Quý, ...	Giáo dục	1999	5
103	DT(21):TH.004253-73	Bài tập đại số và hình học giải tích / Nguyễn Đức Đạt	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	21
104	DT(5):TH.004017-21	40 đề toán ôn thi tú tài : Dành cho học sinh lớp 12 chương trình cải cách và phân ban / Ngô Viết Điền.	Trẻ	1998	5
105	DT(5):TH.002689-93	Phương pháp số phức và hình học phẳng : Dùng cho học sinh khá giỏi trung học cơ sở / Nguyễn Hữu Điều	Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	5
106	DT(10):TH.002753-62	Một số vấn đề toán học chưa giải quyết được / Nguyễn Bá Đô	Dân trí	2014	10
107	DT(5):TH.002326-30	45 Bộ đề thi trắc nghiệm môn toán : Dùng cho học sinh lớp 10,11,12; Luyện thi tốt nghiệp THPT, Đại học và Cao đẳng / TS Nguyễn Viết Đông, Nguyễn Viết Sự	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2007	5
108	DT(2):TH.002234-5	Phương pháp trắc nghiệm các hình thức tổ hợp : Bồi dưỡng học sinh khá giỏi và luyện thi đại học. 5 phương pháp chuyên đề giải 250 bài toán tự luận. Hướng dẫn trả lời 150 câu trắc nghiệm. Cập nhật hóa theo đề cương chỉnh lý hợp nhất ba bộ sách toán PTTH đã được phê duyệt của bộ GDĐT ngày 12 - 10 -1999 và bổ sung các kiến thức nâng cao cần thiết / Nguyễn Đức Đồng, Trần Huyền, Nguyễn Văn Vĩnh	Tổng hợp TP Tp. Hồ Chí Minh	2006	2
109	DT(9):TH.002667-75	Cơ sở lý thuyết và 500 câu hỏi trắc nghiệm Đại số và Giải tích 11 / Nguyễn Thành Dũng, Phạm Thị Thục Oanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	9
110	GT(15):GT.016025-9, GT.016056-7, GT.016059-64, GT.016066, GT.016069	Giáo trình toán cao cấp : Dùng cho SV ngành Giáo dục tiểu học đào tạo theo học chế tín chỉ / Nguyễn Thị Châu Giang	Đại học Vinh	2009	15

111	DT(10):TH.002236-45	Bồi dưỡng, ôn luyện thi Trung học phổ thông quốc gia- Các đề tham khảo môn Toán / Nguyễn Hà Sơn, Hoàng Đức Nguyên	Đại học Sư phạm	2015	10
112	GT(10):GT.040790-9	Giáo trình lý thuyết martingale và martingale tiệm cận / Nguyễn Hắc Hải, Ngô Hoàng Long	Đại học Sư phạm	2016	10
113	DT(3):TH.001029-31	Ngôn ngữ thuật toán / Nguyễn Bá Hào	Khoa học và kỹ Thuật	1977	3
114	DT(3):TH.004543-5	Toán cơ sở cho kinh tế / TS Nguyễn Huy Hoàng (Chủ biên), ThS Phạm Văn Nghĩa, ThS Đoàn Trọng Tuyển	Giáo dục Việt Nam	2014	3
115	DT(9):TH.000323-31	Các phương pháp giải toán : Sách rèn luyện kỹ năng tư duy dùng cho học sinh cấp 3 các lớp chuyên toán và giáo viên dạy toán / Nguyễn Thái Hoà.	Giáo dục	1996	9
116	DT(5):TH.003242-5, TH.004797	Rèn luyện tư duy qua việc giải bài tập toán / Nguyễn Thái Hoà.	Giáo dục	1995	5
117	DT(10):TH.004332-41	Các bài toán biên đối với hệ Hyperbolic mạnh trong hình trụ với đáy là miền có điểm conic trên biên / Nguyễn Mạnh Hùng	Đại học sư phạm	2007	10
118	DT(10):TH.004292-301	Hệ phương trình Hyperbolic trong trụ không tròn / Nguyễn Mạnh Hùng	Đại học Sư phạm	2010	10
119	DT(8):TH.002227-31, TH.002411-3	Phương pháp giải bài tập trắc nghiệm đại số và giải tích lớp 11 : Chương trình nâng cao / Nguyễn Ngọc Khoa	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	8
120	DT(5):TH.001085-9	Thư sức qua hơn 500 bài toán : Tài liệu tham khảo dùng cho học sinh 12, ôn thi tốt nghiệp THPT và các kì thi quốc gia / Nguyễn Ngọc Khoa	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	5
121	DT(10):TH.004452-61	Mở đầu về không gian vectơ tôpô và một số vấn đề chọn lọc của giải tích hàm / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải	Đại học sư phạm	2014	10
122	DT(8):TH.003108-13, TH.004802-3	Số phức và đa thức : Sách dùng cho bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên PTTH / GS.TS Nguyễn Văn Khuê, PTS Bùi Đắc Tấn.	Giáo dục	1996	8
123	DT(30):TH.004153-82	Phát triển lý luận dạy học môn toán. Tập 1, Nghiên cứu khoa học giáo dục / Nguyễn Bá Kim, Vũ Dương Thụy, Phạm Văn Kiều.	Giáo dục	1997	30
124	DT(12):TH.003034-41, TH.004684-7	Phương pháp dạy học môn toán : Phần đại cương (Đã được hội đồng thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo giới thiệu làm sách dùng chung cho các trường đại học sư phạm) / Nguyễn Bá Kim(Chủ biên), Vũ Dương Thụy	Giáo dục	2001	12
125	DT(9):TH.003894-902	Tuyển chọn và phân dạng 500 bài tập cơ bản và nâng cao Toán 12. Tập 2, Hình học : Tự luận và trắc nghiệm Chương trình chuẩn và nâng cao / PGS.TS Nguyễn Văn Lộc	Đại học Quốc gia	2008	9
126	DT(6):TH.002427-32	Bài tập trắc nghiệm và các chuyên đề toán 10 : Ban khoa học tự nhiên / Nguyễn Văn Lộc (Chủ biên), Nguyễn Xuân Nguyên, Nguyễn Văn Nhất	Giáo dục	2008	6
127	DT(18):TH.000925-42	1250 câu hỏi và bài tập trắc nghiệm khách quan toán 12 : (Chương trình chuẩn và nâng cao) / PGS.TS Nguyễn Văn Lộc	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	18
128	DT(4):TH.002282-5	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán THPT: Đa thức đại số và phân thức hữu tỉ / Nguyễn Văn Mậu	Giáo dục	2006	4
129	DT(30):TH.001749-78	Lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân / Nguyễn Văn Mậu, Đặng Huy Ruận, Nguyễn Thủy Thanh.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2002	30

130	DT(7):TH.002903-9	Tuyển tập Olympic Toán học tại các nước châu Á-Thái Bình Dương / ThS. Nguyễn Văn Nho, ThS. Lê Hoàn Phò	Đại học Quốc gia	2013	7
131	DT(7):TH.002676-82; GT(3):GT.019140-2	Tuyển tập Olympic Toán học tại các nước Đông Âu : 819 bài toán và lời giải / ThS Nguyễn Văn Nho	Đại học Quốc gia	2013	10
132	DT(7):TH.003186-92	Vận trù bất định / Nguyễn Như Phong	Khoa học và kỹ Thuật	2009	7
133	DT(5):TH.001431-5	Toán cao cấp : Dùng cho: Sinh viên ngoại ngữ chuyên ngành trường Đại học Bách khoa Hà Nội sinh viên các ngành khoa học xã hội nhân văn và sinh viên các hệ tại chức, cao đẳng các trường Đại học khác / Nguyễn Hồ Quỳnh	Khoa học kỹ thuật	2006	5
134	DT(9):TH.003053-61	Tự học, tự kiểm tra theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Toán 11 / Nguyễn Thế Thạch (Chủ biên), Nguyễn Tiến Lộc	Đại học Sư phạm	2011	9
135	GT(79):GT.027461-3, GT.027465-540	Elementary geometry and mathematical history : Undergraduate textbook (For Students of Mathematics Pedagogy) / Nguyễn Chiến Thắng (Chủ biên), Thái Thị Hồng Lam	Vinh University Publishing House,	2017	79
136	DT(7):TH.003590-6	Những vấn đề căn bản và ứng dụng của các bất đẳng thức phổ biến. T.1 : Chuyên đề tự chọn cho học sinh phân ban. Bồi dưỡng học sinh giỏi và luyện thi Đại học / Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Nho	Giao thông vận tải	2005	7
137	DT(7):TH.003597-603	Những vấn đề căn bản và ứng dụng của các bất đẳng thức phổ biến. T.2 : Chuyên đề tự chọn cho học sinh phân ban. Bồi dưỡng học sinh giỏi và luyện thi Đại học / Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Nho.	Giao thông vận tải	2005	7
138	DT(7):TH.003604-10	Những vấn đề căn bản và ứng dụng của các bất đẳng thức phổ biến. T.3 / Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Nho	Giao thông vận tải	2005	7
139	DT(2):TH.004709-10	Tập cho học sinh giỏi toán làm quen dần với nghiên cứu toán học : Sách dùng cho học sinh Phổ thông trung học giỏi toán / Nguyễn Cảnh Toàn.	Giáo dục	1992	2
140	DT(10):TH.004432-41	Cơ sở lý thuyết nội suy / Nguyễn Văn Trào	Đại học sư phạm	2009	10
141	DT(5):TH.004737-41	Bài tập Toán cao cấp. Tập 1, Đại số và hình học giải tích / Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục Việt Nam	2018	5
142	DT(30):TH.003501-30	Bài tập toán cao cấp. T.2, Phép tính giải tích một biến số / Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh.	Giáo dục	2001	30
143	DT(10):TH.004742-51	Bài tập Toán cao cấp. Tập 2, Phép tính giải tích một biến số / Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục Việt Nam	2017	10
144	DT(30):TH.004223-52	Bài tập toán cao cấp. Tập 3, Phép tính giải tích nhiều biến số / Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục	2001	30
145	DT(13):TH.002084-91, TH.002601-5	Một số trắc nghiệm toán phổ thông trung học : (Dùng ôn tập cho học sinh lớp 12) / Nguyễn Mạnh Trinh, Lưu Đình Thanh.	Giáo dục	1997	13
146	DT(20):TH.002606-24, TH.004717	Nhập môn đại số giao hoán và hình học đại số / Ngô Việt Trung	Hà Nội	2012	20
147	GT(10):GT.040780-9	Logic toán và lịch sử toán học / Nguyễn Anh Tuấn	Đại học Sư phạm	2019	10
148	DT(5):TH.004075-9	Ôn thi học kỳ và thi vào giai đoạn 2. Tập 2, Toán cao cấp : Sách dùng cho các trường Đại học kỹ thuật / Lê Ngọc Lăng (Chủ biên)...[và những người khác]	Giáo dục	1994	5

149	VE(1):VE.000447	Infinite group rings / Donald S. Passman	Marcel dekker inc	2006	1
150	DT(4):TH.002322-5	Phân dạng và tuyển chọn 405 bài tập tự luận và trắc nghiệm toán 11 : Chương trình chuẩn / PGS.TS Nguyễn Văn Lộc (Chủ biên),...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2007	4
151	DT(13):TH.004666-78	Phương pháp dạy học môn Toán / Phần 2, Dạy học những nội dung cơ bản / Nguyễn Bá Kim (Chủ biên),...[và những người khác].	Giáo dục	1994	13
152	MN(1):MN.020950	Pinpoint math : Level D: Teacher's guide. Vol. 1-6	McGraw-Hill Wright Group	2004	1
153	DT(4):TH.002597-600	Toán học và những suy luận có lí / G. Pôlia; Ng.d.: Hà Sĩ Hồ, Hoàng Chúng,...[và những người khác]	Giáo dục	1995	4
154	VE(1):VE.000859	Modern mathematical analysis / Murray H. Protter, Charles B. Morrey	Addison-Wesley	2006	1
155	GT(38):GT.009344, GT.009348, GT.009352-3, GT.009355-8, GT.009361-70, GT.009373-82, GT.009384, GT.009386-9, GT.009396, GT.009404-6, GT.009408	Giáo trình toán cơ sở : Dành cho hệ đào tạo Cử nhân ngành Giáo dục mầm non hệ Tại chức / Phạm Thị Hải Châu	Đại học Vinh	2008	38
156	GT(9):GT.019862, GT.019864-71	Toán cơ sở : Giáo trình dành cho học viên Đại học từ xa (Lưu hành nội bộ) / Phạm Thị Hải Châu	Đại học Vinh	2013	9
157	DT(7):TH.003232-8	101 bài toán chọn lọc phổ thông trung học : Sách dùng cho học sinh giỏi chuyên toán, thi vô địch toán Quốc gia - Quốc tế / Phan Đức Chính.	Trẻ	1996	7
158	DT(7):TH.000693-8, TH.003680	Giới thiệu các dạng toán luyện thi đại học : T.2 : (Dùng cho học sinh lớp 10-11-12) / Phan Huy Khải	Hà Nội	2001	7
159	DT(6):TH.004054-9	Các phương pháp biện luận hệ có tham số / Phan Huy Khải.	Khoa học và kỹ Thuật	1996	6
160	DT(16):TH.002547-62	Phương pháp tọa độ để giải các bài toán sơ cấp : Sáng tạo toán học / GS. Phan Huy Khải.	Tp. Hồ Chí Minh	1996	16
161	DT(8):TH.003681-8	Giới thiệu các dạng toán ôn thi đại học. Tập 3 : Sách dùng cho học sinh lớp 10, 11, 12 / Phan Huy Khải.	Hà Nội	2001	8
162	DT(7):TH.002383-6, TH.004284-6	Bài tập trắc nghiệm toán đại số và giải tích 11 / Phan Hoàng Ngân	Đại học Sư phạm	2007	7
163	DT(17):TH.002852-68	Các chuyên đề nâng cao toán THPT đại số và giải tích : Dùng cho học sinh khá giỏi, 10, 11, 12. Bồi dưỡng học sinh giỏi. Luyện thi vào đại học / Phạm Quốc Phong.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2004	17
164	DT(30):TH.000141-70	Phương trình Toán Lý / Phan Huy Thiện	Giáo dục	2006	30
165	GT(10):GT.040750-9	Bài tập đại số và số học : Tóm tắt lí thuyết, các bài tập cơ bản và chuyên sâu: Cơ sở logic toán, tập hợp và ánh xạ. Số tự nhiên, vành số nguyên và các trường số. Các cấu trúc đại số: nhóm, vành, trường và đa thức / Chủ biên: Phan Doãn Thoại, Bùi Huy Hiền, Nguyễn Hữu Hoan	Đại học Sư phạm	2012	10

166	DT(5):TH.003903-7	Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng (Tự luận và trắc nghiệm) : Dành cho học sinh: Lớp 10 nâng cao. Luyện thi tốt nghiệp phổ thông. Luyện thi Cao đẳng và Đại học / Phạm Trọng Thư	Đại học Quốc gia	2007	5
167	DT(8):TH.002396-403	206 bài tập nâng cao và 171 câu hỏi trắc nghiệm toán đại số và giải tích 11 : Theo chương trình phân ban của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm 2007 / Trần Minh Quang, Đào Bảo Dũng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	8
168	VE(1):VE.000047	Fundamentals of Mathematics / Moses Richardson, Leonard F. Richardson	The Macmillan company	2007	1
169	DT(3):TH.003086-8	Những công thức tuyệt đẹp trong toán học / Lionel Salem, Frédéric Testard, Coralie Salem; Người dịch: Nguyễn Hoàng Hải; Hiệu đính: Trần Tất Thắng	Giáo dục	1995	3
170	MN(2):MN.018474-5	Cours de mathématiques supérieures : Tome 3 / V. Smirnov	Édition mir	2006	2
171	VE(1):VE.001171	Schaum's outline series mathematical handbook of formulas and tables / Murray R. Spiegel, John Liu	McGraw-Hill	2003	1
172	DT(2):TH.004497-8	Tài liệu chuyên toán đại số và giải tích 11 / Đoàn Quỳnh(Chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2019	2
173	NN(2):NN.001509-10	The norton anthology of american literature. A, Beginning to 1820	W.W. Norton & Company	2012	2
174	NN(3):NN.001181-3	The Birth of numerical analysis / Adhemar Bultheel, Ronald Cools	World Scientific	2010	3
175	DT(12):TH.003622-32, TH.004795	Toán Olympic cho sinh viên :. T.2 / Trần Lưu Cường, ...[và những người khác]	Giáo dục	2001	12
176	DT(6):TH.002683-8	Tuyển tập 30 năm tạp chí toán học và tuổi trẻ	Giáo dục	2000	6
177	DT(7):TH.002433-9	Tuyển tập 162 bài toán phương trình và bất phương trình chứa tham số : Luyện thi đại học và bồi dưỡng học sinh giỏi / Biên soạn: Trương Quang Linh.	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2002	7
178	DT(18):TH.000713-30	Tuyển tập đề thi Olympic 30 tháng 4 - Lần V : Môn Toán.	Giáo dục	1999	18
179	DT(20):TH.000591-610	Phần mềm toán cho kỹ sư / Tôn Tích Ái	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	20
180	DT(11):TH.003611-21	Toán Olympic cho sinh viên :. T.1 / Trần Lưu Cường.	Giáo dục	2000	11
181	DT(9):TH.001471-6, TH.004534-6	Đại số tuyến tính và hình học giải tích / Trần Trọng Huệ	Giáo dục Việt Nam	2012	9
182	DT(11):TH.004022-32	Bài tập trắc nghiệm Toán lớp 11 / ThS Trần Đức Huyền.	Giáo dục	2003	11
183	DT(8):TH.000798-805	Bài tập trắc nghiệm Toán lớp 12 / Trần Đức Huyền.	Giáo dục	2003	8
184	DT(3):TH.001582-4	90 Bộ đề toán tổng hợp : Luyện thi Đại học khối A và B / ThS Trần Minh Nhật, Trần Minh Quới	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2010	3
185	GT(5):GT.042287-91	Bài giảng trọng tâm ôn luyện môn Toán. T.2, Tài liệu được giảng dạy cho 5 học sinh lớp 6 giải thành công đề thi tuyển sinh Đại học 2007 : (Dành cho học sinh thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh Đại học & Cao đẳng) / Trần Phương	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	5
186	GT(6):GT.042281-6	Bài giảng trọng tâm ôn luyện môn Toán. T.1, Tài liệu được giảng dạy cho 5 học sinh lớp 6 giải thành công đề thi tuyển sinh đại học 2007 : (Dành cho học sinh thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh đại học và cao đẳng) / Trần Phương	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	6

187	DT(13):TH.002979-89, TH.003199-200; GT(7):GT.019100-6	Những sai lầm trong giải toán phổ thông : 1.Sai lầm nổi tiếng, sai lầm thường gặp, sai lầm đáng tiếc và sai lầm hài hước. 2.32 đề thi học sinh giỏi Toán lớp 9 và thi vào lớp 10 của các trường THPT chuyên tại TP.HCM. 3.33 đề thi tuyển sinh vào Đại học / Trần Phương, Nguyễn Đức Tấn	Đại học Quốc gia	2013	20
188	DT(12):TH.001210-21	199 câu hỏi lý thuyết 379 bài tập trắc nghiệm chọn lọc Toán 12 : Giải tích và hình học / Trần Minh Quới, Nguyễn Văn Quý	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	12
189	DT(8):TH.003804-10, TH.004796	Các chuyên đề môn toán. T.2, Hình học : (Sách dùng cho học sinh khá, giỏi cấp 2) / Trương Công Thành, Nguyễn Hữu Thảo.	Giáo dục	1999	8
190	DT(10):TH.004342-51	Lịch sử kiến thức toán học ở trường phổ thông / Trần Trung, Nguyễn Chiến Thắng	Đại học sư phạm	2016	10
191	DT(10):TH.004382-91	Tiếp cận hiện đại trong rèn luyện năng lực sư phạm cho sinh viên ngành toán ở trường đại học : Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên. Góp phần đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường / TS Trần Trung, Ts Trần Việt Cường	Đại học sư phạm	2015	10
192	DT(1):TH.003741	Thiết kế bài giảng đại số và giải tích 11 nâng cao. Tập 1 / Trần Vinh	Hà Nội	2007	1
193	DT(2):TH.003742-3	Thiết kế bài giảng đại số và giải tích 11 nâng cao. Tập 2 / Trần Vinh	Hà Nội	2008	2
194	DT(2):TH.003739-40	Thiết kế bài giảng đại số và giải tích 11. Tập 2 / Trần Vinh	Hà Nội	2008	2
195	GD(4):GD.003636-9	Đánh giá trong giáo dục toán / Trần Vui, Nguyễn Đăng Minh Phúc	Hà Nội	2013	4
196	DT(10):TH.004392-401	Đánh giá trình độ toán hiểu sâu khái niệm và thành thạo kỹ năng cơ bản trong giải quyết vấn đề / Trần Vui	Đại học sư phạm	2018	10
197	DT(1):TH.004501	English for mathematics = Tiếng anh cho Toán / Trần Vui, Lương Hà	Giáo dục Việt Nam	2009	1
198	DT(6):TH.002104-8, TH.003206	Các chủ đề đại số và giải tích 11 : (Tự luận và trắc nghiệm). Giới thiệu đề thi Olympic 30 -4 và đề toán trên tạp chí "Toán học và tuổi trẻ". Biên soạn theo chương trình SGK mới / ThS Võ Giang Giai	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	6
199	DT(17):TH.002188-98, TH.003066-71	Học và ôn luyện theo cấu trúc đề thi môn Toán / TS. Vũ Thế Hựu, Nguyễn Vĩnh Cận : Ôn thi đại học	Đại học Quốc gia	2013	17
200	DT(43):TH.000436-76, TH.002232-3	Chuyên đề ứng dụng hàm số lũy thừa, hàm số mũ và hàm số lôgarit trong giải toán trung học phổ thông / Chủ biên: Võ Thanh Văn, Lê Hiền Dương, Nguyễn Ngọc Giang	Đại học Sư phạm	2009	43
201	DT(4):TH.002345-8	Chuyên đề ứng dụng khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số trong giải toán trung học phổ thông / Võ Thanh Văn (Chủ biên), Lê Hiền Dương, Nguyễn Ngọc Giang	Đại học Sư phạm	2009	4
202	DT(17):TH.000519-32, TH.002349-51	Chuyên đề ứng dụng nguyên hàm và tích phân trong giải toán trung học phổ thông / Chủ biên: Võ Thành Văn, TS Lê Hiền Dương, Nguyễn Ngọc Giai	Đại học Sư phạm	2009	17
203	NN(5):NN.000959-63	Selected papers of F.W.J. olver. Part 1 / Edited by Roderick Wong	World Scientific publishing	2000	5
204	MN(4):MN.003678-81	Elementary mathematics : <A> review course / V. V. Zaitsev, V. V. Ryzhkov, M. I. Skanavi.	Mir	2006	4
205	DT(1):TH.003193	Từ điển toán học / Người dịch: Hoàng Hữu Như, Lê Đình Thịnh; Hiệu đính: Hoàng Tụy	Khoa học và kỹ Thuật	1977	1

206	GT(5):GT.039236-40	Phương pháp dạy học toán học : (Giáo trình dùng trong các trường cao đẳng sư phạm) / Hoàng Chúng	Giáo dục	1978	5
207	GT(40):GT.009432-4, GT.009437-44, GT.009453, GT.009455-8, GT.009461, GT.009470-1, GT.009478, GT.009482-5, GT.009489, GT.009493, GT.009496-502, GT.009505, GT.009513-4, GT.009517-20	Tiếp cận các phương pháp dạy học không truyền thống trong dạy học toán ở Trường Đại học và Trường Phổ thông / Đào Tam, Lê Hiền Dương	Đại học Vinh	2008	40
208	GT(9):GT.012275-81, GT.039550-1	Giáo trình chuyên đề rèn kĩ năng giải toán tiểu học / PGS.TS Trần Diên Hiền	Đại học Sư phạm	2008	9
209	DT(4):TH.002593-6	Một số phận vinh quang và cay đắng : Truyện về nhà nữ toán học Nga Xôphia Vaxiliépna Cõvalepxcaia / Liu-bốp Vô-rôn-xô-va.	Phụ Nữ	1987	4
210	DT(13):TH.003924-36	Phương pháp luận duy vật biện chứng với việc học, dạy, nghiên cứu toán học. Tập 1 : Sách tham khảo cho giáo viên, sinh viên, nghiên cứu sinh Toán học và Triết học / GS.TS Nguyễn Cảnh Toàn.	Đại học Quốc gia Hà Nội	1997	13
211	GT(8):GT.039442-9	Phát triển tư duy thông qua dạy học môn toán ở trường phổ thông Chu Cẩm Thơ	Nxb Đại học Sư phạm	2015	8
212	GT(40):GT.039152-73, GT.039326-43	Tiếp cận các phương pháp dạy học không truyền thống trong dạy học toán ở trường đại học và trường phổ thông / GS.TS Đào Tam(Chủ biên), TS Lê Hiền Dương	Đại học Sư phạm	2008	40
213	MN(20):MN.000322-41	Mathematics : Course.1: Applications and connections	Glencoe	2005	20
214	MN(10):MN.000342-51	Mathematics : Course.2: Applications and connections	Glencoe	2005	10
215	MN(7):MN.000352-8	Mathematics : Course.3: Applications and connections	Glencoe	2005	7
216	MN(2):MN.000538-9	Mathematics.	McGram-Hill	2005	2
217	MN(1):MN.000540	Math in the world : Developing problem solvers / Douglas H. Clements, Kenneth W. Jones, Lois Gordon Moseley,	McGram-Hill	2005	1
218	MN(2):MN.003682, MN.010743	Introductory mathematics for engineers : Lectures in higher mathematics / A. D. Myskis.	Mir	2006	2
219	MN(11):MN.0003615-22, MN.016994, MN.017553, MN.018441	Elementary mathematics : Selected topics and problem solving / G. Dorofeev, M. Potapov, N. Rozov.	Mir	2006	11
220	MN(1):MN.003520	High-School Mathematics : Part One.	Mir publishers	2006	1
221	MN(7):MN.003521-7	High-School Mathematics : Part Two.	Mir publishers	2006	7
222	MN(9):MN.003676, MN.017315-22	Exercices et problèmes des mathématiques supérieures : Partie 2 / P. Danko, A. Popov.	Mir	2006	9

223	MN(4):MN.003507-10	Problems in higher mathematics / V. P. Minorsky.	Mir publishers	2006	4
224	MN(1):MN.003683	Introductory mathematics for engineers : Lectures in higher mathematics / A. D. Myskis.	Mir	2006	1
225	MN(7):MN.003491-7	Problems in mathematics with hint and solutions / V. Govorov, P. Dybov, N. Miroshin...	Mir	2006	7
226	MN(2):MN.015142-3	Mathematics : Applications and connections: Course 1.	McGraw-Hill	2004	2
227	QV(5):QV.005321-5	Danh nhân toán học / Biên soạn: Bùi Sao	Dân trí	2018	5
228	VE(1):VE.000759	Introduction to p- Adic number and valuation theory / George Bachman	AP.	2006	1
229	VE(1):VE.000481	A first course in the finite element method / William B. Bickford	Irwin	2006	1
230	MN(2):MN.003603, MN.018488	Calcul opérationnel / V. Ditkine, A. Proudnikov.	Mir	2006	2
231	GT(10):GT.049970-9	Mô phỏng số và điều khiển các hệ cơ học / Đinh Văn Phong	Giáo dục Việt Nam	2010	10
232	DT(7):TH.004655-61	Lý thuyết đồ thị và ứng dụng / Đặng Huy Ruận	Khoa học và kỹ Thuật	2000	7
233	VE(1):VE.000615	Categories et structures / C. Ehresmann	Dunod	2006	1
234	VE(1):VE.000531	Discrete and combinatorial mathematics : an applied introduction / Ralph P. Grimaldi	Addison-wesley publishing company	2006	1
235	VE(1):VE.000606	The thirteen books of euclid's elements : Vol. 3: Books X - XIII and appendix / T. L. Heath	Dover publications	2006	1
236	GT(14):GT.039794-807	Toán rời rạc / PGS.TS Đỗ Đức Giáo.	Giáo dục	2000	14
237	MN(1):MN.015465	Integrated mathematics : Course 2 / Douglas R. Bumby,...[et all]	McGraw-Hill	2004	1
238	VE(1):VE.000664	Discrete mathematical structures for computer science / Bernard Kolman, Robert C. Busby	Prentice-Hall	2006	1
239	VE(1):VE.000401	Elements of the theory of computation / Harry R. Lewis, Christor H. Papadimitriou	Prentice-Hall	2003	1
240	GT(10):GT.024932-9, GT.039514-5	Lý thuyết đồ thị và ứng dụng / Nguyễn Tuấn Anh (Chủ biên),...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2012	10
241	MN(4):MN.019464-7	Méthodes de calcul numerique / G. Marchouk	Éditions Mir	2006	4
242	MN(1):MN.021207	Introduction to languages and the theory of computation / John C. Martin			1
243	MN(1):MN.019429	Mathématique moderne : T. 1	Marcel didier	2006	1
244	DT(4):TH.002839-42	Phương pháp trắc nghiệm đạo hàm và đồ thị : Bồi dưỡng học sinh khá giỏi và luyện thi đại học. Giản lược giáo khoa chuẩn bị kiến thức tối thiểu. Hướng dẫn trả lời 250 câu trắc nghiệm khách quan. 18 phương pháp chuyên đề giải toán tự luận / Nguyễn Đức Đồng, Trần Huyền, Nguyễn Văn Vinh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	4
245	DT(15):TH.003207-21	Nhập môn lý thuyết tập hợp và logic toán / Nguyễn Văn Ngọc.	Đại học Sư phạm Hà Nội 1	1993	15
246	VE(1):VE.000563	Calculus for college students / Murray H. Protter, Charles B. Morrey	Addison-Wesley publishing company	2006	1
247	DT(20):TH.000338-56, TH.004721	Phương pháp tính và các thuật toán / Phan Văn Hạp, Lê Đình Thịnh.	Giáo dục	2000	20
248	MN(1):MN.015458	Discrete mathematics and its applications / Kenneth H. Rosen	McGraw Hill	2004	1

249	VE(1):VE.000224	Numerical computing : An introduction / Lawrence F. Shampine, Richard C. Allen	W. B. Saunders company	2003	1
250	DT(10):TH.001053-62	Các công thức và các bảng toán học cao cấp / Murray R. Spiegel; Ng.d. Ngô Ảnh Tuyết.	Giáo dục	1998	10
251	MN(1):MN.005873	Curso de matematicas superiores ; Manual / I. Suvorov.	Mir	2006	1
252	GT(30):GT.039665-94	Phương pháp tính : (Dùng cho các trường Đại học kỹ thuật) / Tạ Văn Đĩnh.	Giáo dục	2001	30
253	DT(4):TH.002379-82	Hướng dẫn giải bài tập toán rời rạc / Đỗ Đức Giáo	Giáo dục Việt Nam	2009	4
254	NN(1):NN.000740	Discrete mathematics and its applications / Kenneth H. Rosen	McGraw - Hill education	2019	1
255	NN(5):NN.001310-4	A course in discrete mathematical structures / L R Vermani, Shalini Vermani	Imperial College Press,	2012	5
256	VE(1):VE.001008	A profile of mathematical logic / Howard DeLong	Addison-wesley publishing	2006	1
257	DT(34):TH.000830-63	Đại cương về toán học hữu hạn / Hoàng Chúng.	Giáo dục	1997	34
258	DT(17):TH.000293-309	Những vấn đề về Logic trong môn toán ở trường phổ thông trung học cơ sở / Hoàng Chúng.	Giáo dục	1997	17
259	VE(1):VE.000569	Applied numerical methods for digital computation / M. L. James, G. M. Smith, J. C. Wolford	Harper & Row	2006	1
260	VE(1):VE.001135	Schaum's outline of theory and problems of set theory and related topics / Seymour Lipschutz	Schaum publishing	2003	1
261	GT(49):GT.021142-83, GT.022335-8, GT.022804-6	Phương pháp hàm số trong giải toán : Phương trình bất phương trình, hệ phương trình chứng minh bất đẳng thức giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất / Lê Xuân Sơn, Lê Khánh Hưng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014	49
262	GT(10):GT.019117-26	Giáo trình logic toán và lịch sử toán học / TS. Nguyễn Anh Tuấn	Đại học Sư phạm	2013	10
263	GT(17):GT.039455-71	Hàm số biến số phức : Giáo trình dùng cho sinh viên khoa toán các trường Đại học sư phạm / Trương Văn Thương	Giáo dục	2009	17
264	GT(29):GT.007129-30, GT.007133, GT.007136-7, GT.007141-5, GT.007147-8, GT.007150-1, GT.007154-6, GT.039534-45	Lý thuyết ngôn ngữ hình thức và otomat / Đặng Huy Ruận	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	29
265	GT(18):GT.047563-80	Hệ mờ, mạng Noron và ứng dụng : Tuyển tập các bài giảng / Bùi Công Cường(Chủ biên), Nguyễn Doãn Phước	Khoa học và kỹ Thuật	2006	18
266	DT(1):TH.003201	Chuyên đề ôn tập và luyện thi toán 12 khảo sát hàm số / Mai Bình Hùng	Hà Nội	2009	1
267	DT(4):TH.002848-51	Phương pháp trắc nghiệm khảo sát hàm số : Bồi dưỡng học sinh khá giỏi và luyện thi đại học. Giản lược giáo khoa chuẩn bị kiến thức tối thiểu. Hướng dẫn trả lời 250 câu trắc nghiệm khách quan. 9 phương pháp chuyên đề giải toán tự luận. / Nguyễn Đức Đồng, Trần Huyền, Nguyễn Văn Vĩnh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	4
268	DT(10):TH.002109-18	Bài tập hàm số biến số phức / PTS.TS Nguyễn Phụ Hy	Khoa học kỹ thuật	2006	10

269	DT(9):TH.001250-8	477 bài tự luận và trắc nghiệm khảo sát hàm số : Dành cho học sinh lớp 12 ôn thi tú tài và các kỳ thi quốc gia / TS Nguyễn Thanh Vân, Trần Minh Quang	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	9
270	DT(5):TH.002633-7	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Toán trung học phổ thông: Các bài toán về hàm số / Phan Huy Khải	Giáo dục	2007	5
271	DT(16):TH.003908-23	Ứng dụng các tính chất hàm số để giải bài toán : Bất đẳng thức, tìm giá trị lớn nhất, tìm giá trị nhỏ nhất: Luyện thi vào các trường Đại học - Cao đẳng, bồi dưỡng Học sinh, Khá, Giỏi bậc trung học / Võ Giang Giai, Võ Khắc Thường, Lê Quang Tuấn.	Thanh Hoá	2002	16
272	DT(27):TH.002128-54	Đồ thị và các thuật toán / PGS.TS Hoàng Chí Thành	Giáo dục	2007	27
273	DT(11):TH.002246-56	Lý thuyết đồ thị : Sách dùng cho sinh viên ngành tin học các trường Đại học / PTS Nguyễn Cam, PTS Chu Đức Khánh.	Trẻ	1999	11
274	DT(29):TH.003133-56, TH.004287-91	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán trung học phổ thông : Một số kiến thức cơ sở về Graph hữu hạn / TSKH Vũ Đình Hoà	Giáo dục	2004	29
275	NN(1):NN.000719	The probabilistic method / Noga Alon, Joel H. Spencer	Wiley	2016	1
276	NN(1):NN.000733	A path to combinatorics for undergraduates : Counting strategies / Titu Andreescu, Zuming Feng	Springer science+Business media	2020	1
277	NN(1):NN.000718	A walk through combinatorics : An introduction to enumeration and graph theory / Miklós Bóna	World scientific	2017	1
278	NN(1):NN.000722	Counting and configurations : Problems in combinatorics, arithmetic, and geometry / Jiri Herman, Radan Kucera, Jaromir Simsa; Translated by Karl Dilcher	Springer,	2002	1
279	DT(14):TH.001363-76	199 bài toán chọn lọc về toán học tổ hợp : Sách dùng cho các lớp chuyên chọn PTTH / Lê Hải Châu, Lê Hải Khôi.	Giáo dục	1997	14
280	DT(8):TH.001574-81	Phương pháp trắc nghiệm các hình thức tổ hợp 12 : Bồi dưỡng học sinh khá giỏi 12, ôn thi tú tài và các kì thi Quốc gia. 5 phương pháp chuyên đề giải 250 bài toán tự luận. Hướng dẫn trả lời 150 câu trắc nghiệm. / Nguyễn Đức Đồng, Trần Huyền, Nguyễn Văn Vĩnh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	8
281	DT(7):TH.000946-52	Các bài toán cực trị : Dùng cho học sinh khá giỏi và các lớp chọn, lớp chuyên / Hoàng Chung (biên soạn), ...[và những người khác]	Giáo dục	1993	7
282	MN(2):MN.015281-2	Algebra 2 : Vol.1. Integration, applications, connections.	McGraw-Hill	2003	2
283	MN(1):MN.015283	Algebra 1 : Vol.2. Integration, applications, connections.	Glencoe	2003	1
284	MN(1):MN.015284	Algebra 2 : Integration, applications, connections	Glencoe	2003	1
285	MN(1):MN.015285	Algebra 1 : An integrated approach	Glencoe	2003	1
286	MN(2):MN.015300-1	Elementary linear algebra / Howard Anton	John Wiley and Sons	2005	2
287	VE(1):VE.000769	Elementary linear algebra / Howard Anton	John Wiley & Sons	2006	1
288	VE(1):VE.001180	Elementary linear algebra / Howard Anton	John Wiley & Sons	2003	1
289	VE(1):VE.000241	College algebra and trigonometry / Richard N. Aufmann, Vernon C. Barker	Houghton Mifflin Company	2004	1
290	MN(2):MN.015286-7	Prealgebra : Mathematics for a variable world / Daniel J. Bach, Patricia J. Leitner	McGraw-Hill	2004	2

291	GT(10):GT.032911-20	Bài tập Lí thuyết Module / Dương Quốc Việt(Chủ biên), ...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2016	10
292	DT(20):TH.001147-66	Bài tập cơ sở lí thuyết số và đa thức / Chủ biên: Dương Quốc Việt,...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2018	20
293	MN(1):MN.020429	Precalculus / Raymond A. Barnett, Michael R. Ziegler, Karl E. Byleen	McGraw-Hill	2008	1
294	VE(1):VE.000387	College algebra with trigonometry / Raymond A. Barnett	McGraw-Hill Book Company	2003	1
295	MN(1):MN.015299	College algebra : Graphs and models / Raymond A. Barnett, Michael R. Ziegler, Karl E. Byleen.	McGraw-Hill	2003	1
296	MN(1):MN.015298	College algebra with trigonometry : Graphs and models / Raymond A. Barnett, Michael R. Ziegler, Karl E. Byleen.	McGraw-Hill	2003	1
297	MV(1):MN.017218	Beginning and intermediate algebra a unified worktext James Streeter,...[et al]	McGraw Hill	2006	1
298	MN(2):MN.015302-3	Intermedicate algebra : A real-world approach / Ignacio Bello, Fran Hopf	McGraw-Hill	2003	2
299	VE(1):VE.000082	Linear algebra with differential equations / Donald L. Bentley, Kenneth L. Cooke	Holt, Rinehart and winston	2004	1
300	VE(1):VE.000682	Technically - Write !/ Ron Blicq, Lisa Moretto	Technology	2006	1
301	VE(1):VE.001401	Elements de mathematique : Livre II: Algebre, Chapitre 6: Groupes et corps ordonnes, Chapitre 7: Modules sus les anneaux principaux / N. Bourbaki	Hermann	2003	1
302	DT(10):TH.004422-31	Bài tập đại số và số học. T.1 / TS Bùi Huy Hiền, TS Nguyễn Hữu Hoan	Đại học sư phạm	2012	10
303	DT(30):TH.001482-511	Bài tập Đại số đại cương / Bùi Huy Hiền.	Giáo dục	2001	30
304	DT(30):TH.000239-66, TH.004645-6	Đại số đại cương / Bùi Huy Hiền, Nguyễn Tiến Quang	Đại học Sư phạm	2014	30
305	DT(5):TH.002422-6	Chuyên đề toán đại số : Bồi dưỡng học sinh giỏi - Luyện thi Đại học / Nguyễn Văn Lộc (Chủ biên...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2010	5
306	DT(1):TH.004801	Lý thuyết nửa nhóm. Tập 1 / A. Cliphót, G. Preston; Người dịch: Trần Văn Hạo và Hoàng Kỳ	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1976	1
307	MN(1):MN.021053	Inequalities : Theorems, Techniques and Selected Problems / Zdravko Cvetkovski	Springer	2012	1
308	DT(1):TH.004502	Đại số 10 / Trần Văn Hạo(Tổng chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2019	1
309	VE(1):VE.000653	Modern Algebra : An Introduction / John R. Durbin	John Wiley & Sons	2006	1
310	DT(8):TH.002505-9, TH.004569-71	Cấu trúc Đại số / Đậu Thế Cấp	Giáo dục	2009	8
311	DT(3):TH.001550-2	Tuyển chọn 400 bài tập Toán 11 Đại số : Dùng cho chương trình phân ban. Bồi dưỡng học sinh giỏi. Ôn luyện thi đại học và cao đẳng / PGS.TS Đậu Thế Cấp, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Hoàng Khanh	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2007	3
312	DT(10):TH.002495-504	Cơ sở lí thuyết module / Dương Quốc Việt	Đại học Sư phạm	2008	10
313	DT(10):TH.001236-45	Cơ sở lí thuyết Galois / Chủ biên: Dương Quốc Việt, Lê Văn Chua	Đại học sư phạm	2017	10

314	DT(10):TH.002485-94	Cơ sở lí thuyết Module / Dương Quốc Việt	Đại học Sư phạm	2017	10
315	DT(10):TH.000018-27	Lí thuyết chiều : Dương Quốc Việt	Đại học Sư phạm	2008	10
316	DT(10):TH.000028-37	Lí thuyết chiều / Dương Quốc Việt	Đại học Sư phạm	2015	10
317	GT(24):GT.032971-80, GT.039710-23	Một số cấu trúc cơ bản của đại số hiện đại / Dương Quốc Việt	Đại học Sư phạm	2008	24
318	VE(1):VE.000112	Intermediate algebra a graphing approach / K. Elayn Martin - Gay, Margaret Greene	Prentice Hall	2003	1
319	VE(1):VE.000737	Elementary matrix theory / Howard Eves	Dover Publications	2006	1
320	MN(1):MN.015704	Recueil dexercices dalgebre superieure : T. 2: The science of the vessels, the science of the nervous system, the science of the sensory organs / D. Faddeev, I. Sominski	Mir	2006	1
321	DT(6):TH.000332-7	Giải đề thi tuyển sinh Đại học : Chuyên đề đại số / Lê Quang Ánh,...[và những người khác]	Tp. Hồ Chí Minh	1994	6
322	VE(1):VE.000773	Basic college algebra / William Hart	D. C. Heath and company	2006	1
323	MN(1):MN.021145	Beginning & intermediate algebra / Andrea Hendricks, Oiyin Pauline Chow	McGraw-Hill	2013	1
324	MN(1):MN.021144	Beginning algebra / Andrea Hendricks, Oiyin Pauline Chow	McGraw-Hill	2013	1
325	VE(1):VE.001150	Elementary linear algebra / Richard O. Hill	Academic press college division	2003	1
326	VE(1):VE.000252	The structure of lie groups / G. Hochschild	Holden-Day	2004	1
327	VE(2):VE.000280-1	Linear algebra / Kenneth Hoffman, Ray Kunze	Prentice-Hall	2004	2
328	MN(2):MN.015304, MN.017244	Elementary and intermediate algebra : A unified approach / Donald Hutchison, Barry Bergman, Louis Hoelzle	McGraw-Hill	2003	2
329	DT(5):TH.001522-6; GT(2):GT.039546-7	Tuyển chọn 400 bài toán đại số 10 : Các kiến thức tổng quát. 400 bài toán áp dụng và minh họa. Giải chi tiết. 99 câu hỏi trắc nghiệm / Hà Văn Chương	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	7
330	DT(5):TH.000008-12	Tuyển chọn 500 bài toán đại số 12 : Dùng cho học sinh ôn thi tú tài và các kỳ thi quốc gia / Hà Văn Chương	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	5
331	DT(21):TH.003954-74	Đại số đại cương / Hoàng Xuân Sính.	Giáo dục	2001	21
332	MN(5):MN.003564-8	Linear algebra / H.D. I kramov.	Hayka	2006	5
333	MN(1):MN.015394	Impact mathematics : Algebra and more for the middle grades.Course 3.	Glencoe McGraw-Hill	2004	1
334	VE(1):VE.000725	Lectures in abstract algebra : Vol. 1: Basic concepts / Nathan Jacobson	Academic Press	2006	1
335	VE(1):VE.000726	Lectures in abstract algebra : Vol.3.: Theory of fields nad galois theory / Nathan Jacobson	D. Van nostrand company	2006	1
336	VE(1):VE.000853	Introduction to linear algebra : Harper's series in modern mathematics / Peter J. Kahn, I. N. Herstein, Gian - Carlo Rota	Harper & Row	2006	1
337	VE(1):VE.000160	Infinite abelian groups / Irving Kaplansky	The university of michigan press	2004	1
338	VE(1):VE.000806	Intermediate algebra / Mervin L. Keedy, Marvin L. Bittinger	London	2006	1

339	VE(1):VE.000663	Explorations in college algebra / Linda Almgren Kime, Judith Clark	John Wiley	2006	1
340	VE(1):VE.000084	Elementary linear algebra / Bernard Kolman, David R. Hill	Prentice Hall	2004	1
341	VE(1):VE.000941	Algebra / Serge Lang	Addson-Wesley publishing company	2003	1
342	VE(1):VE.001169	Schaum's outline of theory and problems of linear algebra / Seymour Lipschutz, Macr Lars Lipson	McGraw-Hill	2003	1
343	VE(1):VE.001098	Schaum's outline of theory and problems of linear algebra / Seymour Lipshutz	Schaum's outline series	2003	1
344	DT(9):TH.000492-500	Toán nâng cao tự luận và trắc nghiệm Đại số và Giải tích 11 / Lê Hồng Đức, Lê Bích Ngọc	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	9
345	DT(10):TH.003702-8, TH.004564-6	Ôn luyện Toán sơ cấp. Tập 1. Đại số / Lê Đình Thịnh, Lê Đình Định.	Giáo dục Việt Nam		10
346	DT(17):TH.004106-22	Đại số tuyến tính. Tập 1 : Sách dùng cho sinh viên đại học đại cương các chuyên ngành toán, tin, lí, hoá, địa chất / Lê Anh Vũ.	Giáo dục	1997	17
347	VE(1):VE.000208	Fundamentals of abstract algebra / Neal H. McCoy	Allyn and bacon	2003	1
348	VE(1):VE.000831	Introduction to modern algebra : College mathematics series / Neal H. McCoy	Allyn and bacon	2006	1
349	MN(1):MN.017229	Algebra for college students / Julie Miller, Molly O'Neill	McGraw-Hill	2006	1
350	VE(1):VE.000156	Applied nonlinear Programming / David M. Himmelblau	Mc Graw- Hill book company	2004	1
351	VE(1):VE.000652	Introduction to abstract algebra / J. T. Moore	Academic press	2006	1
352	VE(1):VE.001094	Intruduction to algebraic geometry / David Mumford	Chemical catalog company	2003	1
353	VE(1):VE.000343	Intermediate algebra : Macomb county community college / Mustafa Munem, William Tschirhart	Worth Publishers	2003	1
354	VE(1):VE.001202	A first course of homological algebra / D. G. Northcott	Cambridge university press	2003	1
355	DT(4):TH.003114-7	Giải xấp xỉ chương trình toán tử / Nguyễn Minh Chương, Ya. D. Mamedov, Khuất Văn Ninh.	Khoa học và kỹ Thuật	1992	4
356	DT(5):TH.002299-303	Giải phương trình vô định nghiệm nguyên : Bồi dưỡng học sinh giỏi toán PTTH (10, 11, 12) / Nguyễn Hữu Điền.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2004	5
357	GT(10):GT.040855-63, GT.040909	Nhập môn đại số đều / Nguyễn Quang Diệu	Đại học Vinh	2015	10
358	DT(10):TH.004762-71	Ten-xơ và ứng dụng / Nguyễn Trọng Giảng	Bách khoa Hà Nội	2006	10
359	DT(16):TH.001377-90, TH.004703-4	Đại số đại cương / Nguyễn Hữu Việt Hưng.	Giáo dục	1998	16
360	GT(10):GT.032981-90	Phương trình đạo hàm riêng tuyến tính / Nguyễn Mạnh Hùng	Đại học Sư phạm	2010	10
361	DT(15):TH.004622-36	Phương pháp mô phỏng số Monte Carlo / Nguyễn Quý Hỷ	Đại học Quốc gia	2004	15
362	DT(10):TH.002304-13	Tìm hiểu đại số tổ hợp phổ thông / Ngô Thúc Lanh.	Giáo dục	1996	10
363	GT(50):GT.026626-75	Giáo trình đại số giao hoán / Nguyễn Thị Hồng Loan, Thiều Đình Phong	Đại học Vinh	2017	50
364	DT(28):TH.001391-418	Cơ sở lý thuyết Môđun và vành / TS Nguyễn Tiến Quang, TS Nguyễn Duy Thuận.	Giáo dục	2001	28

365	DT(4):TH.002050-1, TH.004537-8; GT(5):GT.039450-4	Cơ sở đại số tuyến tính : Dùng cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng kỹ thuật / Nguyễn Tiến Quang (Chủ biên), Lê Đình Nam	Giáo dục Việt Nam	2014	9
366	DT(10):TH.001424-30, TH.004528-30	Hướng dẫn giải bài tập Đại số đại cương / Chủ biên: Nguyễn Tiến Quang, Phạm Thị Cúc, Đặng Đình Hanh	Giáo dục Việt Nam	2013	10
367	GT(49):GT.017610-2, GT.017614-29, GT.039913-42	Lý thuyết trường và ứng dụng / Nguyễn Thành Quang	Đại học Quốc gia Hà Nội	2011	49
368	GT(10):GT.042707-16	Toán học cao cấp. T.1, Đại số và hình học giải tích : Giáo trình dùng cho các trường đại học kỹ thuật / Nguyễn Đình Trí(Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục Việt Nam	2018	10
369	GT(10):GT.042717-26	Toán học cao cấp. T.2, Phép tính giải tích một biến số / Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục Việt Nam	2018	10
370	VE(1):VE.000396	Operator algebras and applications : Vol.38.Part 2: Proceedings of symposia in pure mathematics	American mathematical society	2003	1
371	VE(1):VE.000135	Elements of linear algebra / Lowell J. Paige, J. Dean Swift	Ginn and Company	2004	1
372	VE(1):VE.000267	Elements Of Linear Algebra / Lowell J. Paige, J. Dean Swift, Thomas A. Slobko	Xerox College Publishing	2004	1
373	VE(1):VE.000411	A first course in abstract algebra / Hiram Paley, Paul M. Weichsel	Winstion	2006	1
374	MN(1):MN.019880	L'algebre recreative / I. Perelman	Editions en langues etrangeres	2006	1
375	MN(6):MN.000442-6, MN.015288	Pre-algebra : A transition to algebra	Glencee	2005	6
376	MN(1):MN.015289	Pre-algebra : A transition to algebra and geometry	Glencoe	2005	1
377	VE(1):VE.001026	Proceeding of symposia in pure mathematics : Vol. 38, part 1: Operator algebras and applications	American mathematical society	2003	1
378	MN(3):MN.003498-500	Problems in linear algebra / I. V. Proskuryakov.	Mir	2006	3
379	DT(10):TH.003028-33, TH.004080-3	Các phương pháp giải toán sơ cấp : Đại số 10 / Phan Huy Khải, Nguyễn Đạo Phương.	Hà Nội	2001	10
380	VE(1):VE.000033	College algebra and trigonometry / J. S. Ratti	Macmillan Publishing Co.,Inc.	2007	1
381	VE(1):VE.000209	Abstract algebra: A first course / Dan, Saracino	Addison-Wesley publishing company	2003	1
382	VE(1):VE.000291	Group theory / W. R. Scott	Prentice Hall	2003	1
383	VE(1):VE.000347	Algebra / L. E. Sigler	Springer-Verlag	2003	1
384	VE(1):VE.000044	Algebraic topology / Edwin H. Spanier	McGraw-Hill book Company	2004	1
385	VE(1):VE.001244	Introduction to machine arithmetic / Marvin L. Stein, William D. Munro	Addison-Wesley publishing company	2003	1
386	VE(1):VE.000537	Introduction to linear algebra / Gilbert Strang	Wellesley-cambridge press	2006	1
387	VE(1):VE.001210	Hopf algebras / Moss E. Sweedler	W. A. Benjamin	2003	1

388	GT(18):GT.040480-97	Toán cao cấp :. Phần 1, Đại số tuyến tính : (Dành cho sinh viên Đại học chuyên ngành kinh tế) / Lê Văn Hốt; Biên soạn: Trần Công Chín, Đào Bảo Dũng, Lê Văn Sáng	Trường Đại học Kinh tế thành phố Tp. Hồ Chí Minh	2003	18
389	GT(30):GT.038908-37	Toán cao cấp. T.1, Đại số tuyến tính : Dành cho sinh viên các trường Đại học Sư phạm đại học khoa học tự nhiên và đại học kỹ thuật / Nguyễn Sum, ...[và những người khác]	Giáo dục	2000	30
390	DT(30):TH.001643-72	Đại số đại cương / Trần Trọng Huệ.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	30
391	DT(7):TH.000001-7	360 câu hỏi và bài toán Đại số : Tự luận và trắc nghiệm 12. Tài liệu tham khảo. Dành cho học sinh 10-11-12. Luyện thi tú tài và các kì thi quốc gia / Trần Minh Quang	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	7
392	MN(2):MN.020543-4	The theory of linear prediction : Synthesis lectures on signal processing / P. P. Vaidyanathan	Morgan & Claypool	2008	2
393	VE(1):VE.000671	Elementary linear algebra / Stewart Venit, Wayne Bishop	Prindle, Weber&Schmidt	2006	1
394	VE(1):VE.000360	Elementary linear algebra / Stewart Venit, Wayne Bishop	Prindle	2003	1
395	MN(3):MN.003505-6, MN.017079	Problems in the theory of functions of a complex variable / Volkovskiy, L. G. Lunts...	Mir publishers	2006	3
396	VE(1):VE.000948	Introduction to abstract algebra / Elbert A. Walker	Random House	2006	1
397	GT(18):GT.018868-85	Giáo trình đại số tuyến tính và hình học tuyến tính / Đỗ Đức Thái (chủ biên), Phạm Việt Đức, Phạm Hoàng Hà	Đại học Cần Thơ	2013	18
398	DT(9):TH.003301-9	Phương pháp giải toán đại số. T.2, Phương trình bất phương trình và chứa dấu trị tuyệt đối / ThS Lê Hồng Đức(Chủ biên), Đào Thiện Khải, Lê Bích Ngọc.	Đại học Sư phạm	2004	9
399	DT(12):TH.003852-63	Phương pháp giải toán đại số. Tập 3, Phương trình bất phương trình và hệ vô tỉ / Lê Hồng Đức (Chủ biên), Đào Thiện Khải, Lê Bích Ngọc.	Đại học Sư phạm	2004	12
400	DT(2):TH.003744-5	Thiết kế bài giảng đại số 10 nâng cao. Tập 1 / Trần Vinh	Hà Nội	2009	2
401	DT(1):TH.003749	Thiết kế bài giảng đại số 10. T.1 / Trần Vinh	Hà Nội	2006	1
402	DT(2):TH.003746-7	Thiết kế bài giảng đại số 10 nâng cao. Tập 2 / Trần Vinh	Hà Nội	2007	2
403	DT(3):TH.003750-2	Thiết kế bài giảng đại số 10. T.2 / Trần Vinh	Hà Nội	2009	3
404	GT(60):GT.051142-201	Giáo trình Đại số đại cương : Dành cho sinh viên đại học ngành Toán / Nguyễn Thị Hồng Loan (Đồng chủ biên), Phạm Hùng Quý, Nguyễn Thành Quang	Đại học Vinh	2023	60
405	GT(19):GT.040251-69	Bài tập lý thuyết Galois / Dương Quốc Việt,...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2014	19
406	MN(1):MN.004057	Актуальные проблемы космической биоритмологии : Том 23 / С. И. Степанова.	Наука	2006	1
407	GT(16):GT.038107, GT.039346-60	Đại số : Giáo trình Đại học đại cương / Hoàng Xuân Sinh.	Giáo dục	1996	16

408	GT(53):GT.002012, GT.002023, GT.002028, GT.002030-1, GT.002042, GT.002051, GT.002054, GT.002056-8, GT.002060- 1, GT.002068, GT.002070, GT.002073-4, GT.002077, GT.002079- 82, GT.002085-6, GT.005805, GT.047775- 802	Lý thuyết ngôn ngữ nhóm :. Tập 1 / Lê Quốc Hán	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	53
409	GT(30):GT.040660-89	Giáo trình toán :. Tập 5, Đại số : Giáo trình và 600 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d. Nguyễn Tường, Nguyễn Văn Nghị.	Giáo dục	2001	30
410	GT(30):GT.040690-719	Giáo trình toán :. Tập 6, Đại số 2. : Giáo trình và 500 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d. Mai Văn Đuộc, Ngô Ánh Tuyết.	Giáo dục	2001	30
411	GT(6):GT.051391-6	Giáo trình toán. Tập 5, Đại số 1 : Giáo trình và 600 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d. Nguyễn Tường, Nguyễn Văn Nghị.	Giáo dục	1999	6
412	GT(9):GT.012129-34, GT.038102-4	Giáo trình Môđun và nhóm aben / Nguyễn Tiến Quang	Đại học Sư phạm	2008	9
413	GT(18):GT.007181-98	Toán cao cấp : Tập 1: Đại số tuyến tính và hình học giải tích / Nguyễn Thủy Thanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	18
414	GT(14):GT.039780-93	Cấu trúc đại số : (Giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học hệ đại học tại chức) / PTS Trần Diên Hiền.	Đại học Sư phạm Hà Nội 1	1994	14
415	GT(15):GT.039607-17, GT.047586-9	Bài tập lý thuyết module / Dương Quốc Việt, ...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2009	15
416	MN(5):MN.016780, MN.017094, MN.018202, MN.019335-6	Recueil d'exercices d'alge'bre supe'rieure / D. Fadde'ev, I. Sominski	Mir	2006	5
417	GT(21):GT.036657-70, GT.037946-52	Giáo trình Toán đại cương. Phần 1, Đại số tuyến tính và hình học giải tích. : Dùng cho nhóm ngành 1 / Đoàn Quỳnh (Chủ biên),...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	21
418	GT(7):GT.038969-75	Toán học cao cấp. T.1, Đại số và hình học giải tích : Giáo trình dùng cho các trường đại học kỹ thuật / Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục	2001	7
419	GT(3):GT.039174-6	Giáo trình lý thuyết quá trình ngẫu nhiên / A.D. Ventxel; Ng.d. Nguyễn Viết Phú, Nguyễn Duy Tiến	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1987	3
420	GT(9):GT.039518-21, GT.039768-72	Đại số sơ cấp : Giáo trình dùng cho hệ tại chức đào tạo giáo viên tiểu học / Vũ Tuấn.	Đại học Sư phạm Hà Nội I	1994	9

421	GT(10):GT.032961-70	Lí thuyết Galois và lí thuyết các mở rộng trường / Dương Quốc Việt	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2007	10
422	GT(10):GT.032921-30	Bài tập Lí thuyết Galois / Dương Quốc Việt(Chủ biên), ...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2018	10
423	GT(20):GT.033072-91	Cơ sở lý thuyết trường và lý thuyết Galois / Nguyễn Tiến Quang	Đại học Sư phạm	2010	20
424	DT(10):TH.002462-8, TH.004652-4	Cơ sở lý thuyết môđun và vành / Nguyễn Tiến Quang, Nguyễn Duy Thuận	Giáo dục Việt Nam	2015	10
425	DT(17):TH.002913-7, TH.003042-52, TH.004790	Đại số tuyến tính : Phần bài tập / Hoàng Đức Nguyên, ...[và những người khác]	Khoa học và kỹ Thuật	1997	17
426	DT(5):TH.004647-51	Đồng nhất vật liệu nhiều thành phần wungs xử tuyến tính / Trần Bảo Việt,...[và những người khác]	Xây dựng	2019	5
427	GT(20):GT.042622-41	Đại số tuyến tính : (Dùng cho sinh viên các trường Đại học Kỹ thuật) / Dương Quốc Việt(Chủ biên), Nguyễn Cảnh Lương	Bách khoa Hà Nội	2017	20
428	DT(30):TH.002716-45	Bài tập đại số tuyến tính / Hoàng Xuân Sinh, Trần Phương Dung.	Giáo dục	2001	30
429	DT(10):TH.002537-46	Đại số tuyến tính / Lê Đình Thịnh, Phan Văn Hạp, Hoàng Đức Nguyên.	Khoa học và kỹ Thuật	1996	10
430	DT(29):TH.003531-59	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế. Phần 1, Đại số tuyến tính / Lê Đình Thủy	Thống Kê,	2003	29
431	DT(13):TH.000267-79	Phương trình đạo hàm riêng tuyến tính / Lê Quang Trung.	Đại học Sư phạm	1994	13
432	DT(30):TH.004193-222	Bài tập toán cao cấp. Tập 1, Đại số tuyến tính : Dùng cho sinh viên các chuyên ngành Toán, Tin, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật ... của các trường đại học / Nguyễn Quý Dỵ, Nguyễn Sum, Ngô Sỹ Tùng.	Giáo dục	1999	30
433	DT(8):TH.003689-95, TH.004725	Toán cao cấp. Tập 1, Đại số tuyến tính : Dùng cho sinh viên các ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh / Nguyễn Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam	2009	8
434	DT(27):TH.002510-36	Đại số tuyến tính / Nguyễn Hữu Việt Hưng.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	27
435	DT(12):TH.000171-82	Hệ phi tuyến / Nguyễn Doãn Phước, Phan Xuân Minh.	Khoa học và kỹ Thuật	2000	12
436	DT(20):TH.003167-85, TH.004542	Bài tập đại số tuyến tính / TS Nguyễn Duy Thuận	Đại học Sư phạm	2014	20
437	DT(30):TH.000953-82	Bài tập địa số tuyến tính / Nguyễn Doãn Tuấn, Phan Huy Phú	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	30
438	GT(22):GT.037892-908, GT.047581-5	Giáo trình Đại số tuyến tính / Ngô Việt Trung Viện toán học. Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia	Đại học Quốc gia Hà Nội	2002	22
439	VE(1):VE.000329	Number theory / George E. Andrews	W.B. Saunders	2003	1
440	DT(10):TH.003317-26	Cơ sở lý thuyết số và đa thức / Chủ biên: Dương Quốc Việt, Đàm Văn Nhi	Đại học Sư phạm	2008	10
441	DT(10):TH.003327-36	Cơ sở lý thuyết số và đa thức / Dương Quốc Việt (Chủ biên), Đàm Văn Nhi	Đại học Sư phạm	2017	10
442	GT(35):GT.032991-3000, GT.039618-42	Số học trong miền nguyên / TS Phan Doãn Thoại	Đại học Sư phạm	2002	35
443	DT(22):TH.000569-90	Hàm biến phức và phép biến đổi Laplace : Dùng cho sinh viên các trường Đại học Kỹ thuật / Phan Bá Ngọc.	Giáo dục	1996	22
444	MN(1):MN.020849	Beginning algebra / Stefan Baratto, Barry Bergman	MC Graw Hill	2004	1

445	MN(1):MN.020938	Elementary & intermediate algebra : A unified approach / Stefan Baratto, Barry Bergman	McGraw Hill Higher Education	2004	1
446	MN(1):MN.020435	Elementary and intermediate algebra : A unified approach / Stefan Baratto, Barry Bergman	McGraw-Hill	2008	1
447	MN(2):MN.020193-4	College algebra / John W. Coburn	McGraw-Hill	2004	2
448	MN(1):MN.000575	Algebra for college students / Mark Dugopolski.	McGraw-Hill	2003	1
449	VE(1):VE.001323	Elementary and intermediate algebra / Mark Dugopolski	McGraw Hill	2006	1
450	MN(2):MN.017223-4	Elementary and intermediate algebra / Mark Dugopolski	McGraw Hill	2006	2
451	VE(1):VE.000027	Matrix Computations / Gene H. Golub, Charles F. Van Loan	The Johns Hopkins University Press	2007	1
452	NN(3):NN.001307-9	Matrices and their roots : A textbook of matrix algebra / A R G Heesterman	World Scientific	1990	3
453	NN(5):NN.001284-8	Symplectic matrices : First order systems and special relativity / Mark Kauderer	World Scientific	1994	5
454	VE(1):VE.000268	Elements Of Linear Algebra / Linda Almgren Kima, Judy Clark	John Wiley & Sons	2004	1
455	NN(1):NN.001340	Intermediate Algebra / Sherri Messersmith	McGraw Hill	2012	1
456	MN(1):MN.021108	Intermediate Algebra / Sherri Messersmith	McGraw-Hill	2012	1
457	MN(1):MN.020857	Beginning and intermediate algebra / Julie Miller, Molly O'Neill, Nancy Hyde	McGraw-Hill	2004	1
458	VE(1):VE.000701	Introduction to matrix theory and linear algebra / Irving Reiner	Winston	2006	1
459	DT(30):TH.000098-127	Đại số và hình học giải tích / Trần Trọng Huệ.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	30
460	DT(19):TH.001298-308, TH.002956-9, TH.004786-9	Ứng dụng toán sơ cấp giải các bài toán thực tế / Sưu tâm: PTS Phạm Thu	Giáo dục	1997	19
461	GT(44):GT.039724-67	Các cấu trúc đại số cơ bản : Giáo trình dùng cho sinh viên khoa Toán các trường đại học sư phạm / Lê Thanh Hà.	Giáo dục	1999	44
462	GT(14):GT.039138-51	Số tự nhiên : Giáo trình dùng cho hệ đại học tại chức đào tạo giáo viên Tiểu học / PTS Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Văn Ngọc.	Đại học Sư phạm Hà nội	1994	14
463	DT(5):TH.000385-9; GT(3):GT.019087-9	Bất đẳng thức và bài toán Min - Max trong các bài kiểm tra, thi học kì và trong kì thi tuyển sinh Đại học / Nguyễn Phú Khánh : Trong các bài kiểm tra, thi học kỳ và thi tuyển sinh đại học, cao đẳng	Đại học Sư phạm	2013	8
464	DT(5):TH.002662-6	Một số phương pháp chứng minh bất đẳng thức đại số : Ôn thi tốt nghiệp THPT. Luyện thi vào Đại học và Cao đẳng / Phạm Trọng Thư	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	5
465	VE(1):VE.001395	Scientific tables : 6th ed. / Documenta, Geigy	Published by geigy pharmaceuticals division of geigy chemical corporation ardsley	2003	1
466	NN(5):NN.001217-21	The theory of multiple zeta values with applications in combinatorics. 7. Monographs in number theory / Minking Eie	World Scientific	2013	5

467	DT(2):TH.002082-3	Sổ học "Bà Chúa của Toán học" : (Dùng cho học sinh khá, giỏi và các lớp chọn, lớp chuyên, tham khảo cho giáo viên phổ thông, sinh viên các trường sư phạm / Hoàng Chúng.	Giáo dục	1993	2
468	DT(16):TH.002882-97	Nhập môn số học thuật toán / Hà Huy Khoái.	Khoa học và kỹ Thuật	1997	16
469	GT(49):GT.026458-71, GT.026473-507	Giáo trình số học hiện đại / Nguyễn Thành Quang (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Loan, Phan Đức Tuấn	Đại học Vinh	2017	49
470	DT(28):TH.000731-58	Bài tập số học : Dùng cho sinh viên các Trường Cao đẳng Sư phạm và Đại học Sư phạm / Nguyễn Tiến Quang.	Giáo dục	2003	28
471	GT(80):GT.044354-433	Giáo trình số học : (Dùng cho đào tạo cử nhân sư phạm Toán học) / PGS.TS Nguyễn Thành Quang; TS Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nbx Đại học Vinh	2021	80
472	DT(12):TH.000477-86, TH.000770-1	10.000 bài toán sơ cấp : Phần dãy số / Phan Huy Khải.	Hà Nội	2000	12
473	NN(1):NN.000728	Numerical analysis / L. Ridgway Scott	Princeton university Press	2011	1
474	DT(12):TH.004123-34	Những bài toán chọn lọc cho trường chuyên - lớp chọn. Tập 1, Số học và đại số : Sách dùng cho các trường PTCS / PTS Đỗ Đức Thái.	Hà Nội	1993	12
475	MN(1):MN.020568	Applied calculus : International student version / Deborah Hughes-Hallett,...[et al.]	John Wiley	2011	1
476	GT(10):GT.032751-60	Giáo trình Tôpô đại cương / Cung Thế Anh, Nguyễn Thành Anh	Đại học Sư phạm	2016	10
477	GT(78):GT.026916-32, GT.026935-95	Giáo trình Tôpô đại cương : Dành cho sinh viên ngành Sư phạm Toán / PGS.TS. Trần Văn Ân ...[và những người khác]	Nghệ an,	2017	78
478	NN(1):NN.000729	Undergraduate topology : A working textbook / Aisling McCluskey, Brian McMaster	Oxford university Press	2014	1
479	DT(4):TH.000090-3; GT(10):GT.039821-30	Nhập môn Tôpô đại số : Đồng điều và đồng luân / Nguyễn Văn Đoàn, Tạ Mân	Đại học Sư phạm	2009	14
480	DT(48):TH.001099-146	Lí thuyết co rút / Tạ Khắc Cư.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	48
481	GT(16):GT.039844-59	Tôpô đại cương : (Giáo trình cao học) / PGS.PTS Đỗ Văn Lưu.	Khoa học và kỹ Thuật	1998	16
482	GT(30):GT.038637-66	Không gian tôpô - độ đo và lí thuyết tích phân : Giải tích III / GS.TS Nguyễn Văn Khuê(Chủ biên), PTS Bùi Đắc Tắc.	Đại học Sư phạm	1996	30
483	GT(11):GT.006549, GT.006553, GT.006555, GT.006557-61, GT.006563, GT.006567, GT.006569	Bài tập tôpô đại cương độ đo và tích phân / Đỗ Đức Thái	Đại học Sư phạm	2003	11

484	GT(58):GT.001847, GT.001850-2, GT.001855, GT.001859, GT.001866, GT.001869-71, GT.001875, GT.001878, GT.001880-1, GT.001889- 90, GT.001895, GT.001900, GT.001905, GT.001907, GT.005819- 21, GT.005825, GT.038667-96, GT.050907-10	Bài tập tô pô đại cương / Nguyễn Nhụy, Lê Xuân Sơn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	58
485	GT(10):GT.039226-35	Tô pô đại cương độ đo và tích phân / Nguyễn Xuân Liêm.	Giáo dục	1994	10
486	GT(20):GT.012681-5, GT.012690, GT.012692, GT.012695-6, GT.012707, GT.012710-1, GT.012713- 4, GT.012716-7, GT.012719-21, GT.012725	Cơ sở giải tích thực / Kenneth W. Anderson, Dick Wick Hall	Đại học Vinh	2009	20
487	VE(1):VE.000983	Numerical methods for partial differential equations / William F. Ames	Bernes & Noble	2006	1
488	MN(1):MN.016787	Équations différentielles ordinaires / V. Arnold	Mir	2006	1
489	VE(1):VE.000745	Schaum's outline of theory and problems of differential and integral / Frank Ayres	Sydney	2006	1
490	VE(1):VE.000520	Schaum's outline of theory and problems of differential and integral calculus / Frank Ayres	Schaum's outline series	2006	1
491	DT(4):TH.001455-8	Bài tập Giải tích 12 / Chủ biên: Vũ Tuấn, Lê Thị Thiên Hương,...[và những người khác]	Giáo dục	2008	4
492	DT(10):TH.002273-81, TH.004712	Bài tập giải tích I / Phạm Đức Thoan,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2015	10
493	DT(1):TH.004804	Phép tính vi phân và tích phân. Tập 2 : Sách dùng cho các trường Cao đẳng sư phạm / Stéan Banac; Người dịch: Phan Hữu Chân, Nguyễn Mạnh Quý	Giáo dục	1978	1
494	VE(1):VE.001176	The elements of real analysis / Robert G. Bartle	John Wiley & sons	2003	1
495	VE(1):VE.001132	An introduction to stochastic processes with special reference to methods and applications / M. S. Bartlett	At the University press	2003	1
496	VE(1):VE.000989	Precalculus / Judith A. Beecher, Judith A. Penna, Marvin L. Bittinger	Pearson addison wesley	2003	1
497	VE(1):VE.000888	Almost periodic functions / A. S. Besicovitch	Dover publications	2006	1
498	GT(10):GT.039324-5, GT.040167-74	Biến đổi tích phân / GS. TS Đặng Đình Áng,...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2009	10

499	VE(1):VE.000170	Lectures on the calculus of variations / Gilbert A. Bliss	The university of chicago	2004	1
500	VE(1):VE.000164	Elementary differential equations and boundary value problems / William E. Boyce, Richard C. DiPrima	John Wiley & Sons	2004	1
501	MN(1):MN.015426	Elementary differential equations / William E. Boyce, Richard C. Diprima	John wiley & sons, inc.	2004	1
502	VE(1):VE.000868	Theory of computation / Walter S. Brainerd, Lawrence H. Landweber	John Wiley	2006	1
503	VE(1):VE.001159	Schaum's outline of modern introductory differential equations : Laplace transoms. Numerical methods. Matrix methods. Eigenvalue problems / Richard Bronson	McGraw-Hill book company	2003	1
504	VE(1):VE.001156	Numerical analysis of semiconductor devices : Proceedings of the nasecode 1 conference held at trinity college, dublin, from 27th to 29th June, 1979 / B. T. Browne, J. J. H. Miller	Boole press	2003	1
505	VE(1):VE.000886	Numerical analysis of semiconductor devices and integrated circuits / B. T. Browne, J. J. H. Miller	Boole press	2006	1
506	MN(4):MN.009368, MN.011435, MN.011746, MN.011998	Вопросы математической физики	Наука	2006	4
507	DT(9):TH.001311-9	Các chủ đề bám sát nâng cao Tự luận - trắc nghiệm Giải tích 12 : Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi. Luyện thi tốt nghiệp THPT, đại học / TS Vũ Văn Thòa, ThS Nguyễn Dương Hoàng,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2009	9
508	VE(1):VE.001252	Functions of a complex variable : Theory and technique / George F. Carrier, Max Krook, Carl E. Pearson	Hod Books	2003	1
509	VE(1):VE.000592	Elementary theory of analytic functions of one or several complex variables / Henri Cartan	Addison-Wesley	2006	1
510	DT(3):TH.002408-10	Các phương pháp giải bằng phép lượng giác hoá / Lê Hồng Đức (Chủ biên),...[và những người khác]	Hà Nội	2006	3
511	VE(1):VE.000591	Analysis of linear systems / David K. Cheng	Addison wesley	2006	1
512	VE(1):VE.001294	Theory of lie groups / Claude Chevalley	Princeton university press	2003	1
513	VE(1):VE.000927	Complex variables and applications / Ruel V. Churchill	McGraw-Hill Book Company	2006	1
514	VE(1):VE.000994	Computability an introduction to recursive function theory / Nigel Cutland	Cambridge university press	2003	1
515	VE(2):VE.000549-50	Computability : An introduction to recursive function theory / Nigel Cutland	Cambridge university press	2006	2
516	DT(10):TH.004352-61	Nửa nhóm các toán tử tuyến tính và ứng dụng / Cung Thế Anh, Trần Đình Kế	Đại học sư phạm	2016	10
517	VE(1):VE.000042	Introduction to nonlinear diffrential and integral equations / Harold T. Davis	Dover publications	2007	1
518	VE(1):VE.000285	Mathematics for physicists / Philippe Dennery, Andre Krzywicki	Dover publications	2003	1
519	VE(1):VE.001116	Precalculus : Functions and graphs / Mark Dugopolski	Addison Wesley	2003	1

520	DT(2):TH.001167-8	Các dạng câu hỏi bài tập trắc nghiệm toán giải tích 12 / Đậu Thế Cấp, Trần Minh Quới, Nguyễn Văn Quí	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	2
521	GT(2):GT.048637-8	Giáo trình Giải tích hàm / Đậu Thế Cấp	Đại học Vinh	1992	2
522	DT(3):TH.001026-8	Tuyển tập các bài toán hay và khó giải tích 12 : Tự luận và trắc nghiệm / PGS.TS Đậu Thế Cấp, Trần Minh Quới, Nguyễn Văn Quí	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	3
523	GT(31):GT.040045-75	Giải tích lồi / PGS.TS ĐỖ VĂN LƯU, PGS.TS Phan Huy Khải.	Khoa học và kỹ Thuật	2000	31
524	GT(5):GT.039319-23	Bài tập Tôpô đại cương độ đo và tích phân / GS.TS ĐỖ ĐỨC THÁI	Đại học Sư phạm	2014	5
525	MN(3):MN.003641-3	Differential equations and the calculus of variations / L. Elsgolts.	Mir	2006	3
526	MN(3):MN.003644-6	Differential equations and the calculus of variations / L. Elsgolts.	Mir	2006	3
527	VE(1):VE.000654	Student solutions guide for calculus: An applied approach / Bruce H. Edwards	Houghton Mifflin Company	2006	1
528	MN(5):MN.019444-5, MN.019787-9	Méthodes asymptotiques pour les équations différentielles ordinaires linéaires / M. Féderiouk	Éditions Mir	2006	5
529	VE(1):VE.000512	The numerical analysis problem solver / M. Fogiel	REA	2006	1
530	VE(1):VE.000910	Student solutions manual : Vol. 2 / Barbara Frank	Brooks	2003	1
531	VE(1):VE.001225	Elements of real analysis / Herbert S. Gaskill, P. P. Narayanaswami	Prentice-Hall	2003	1
532	VE(1):VE.001271	Introduction to Analysis / Edward D. Gaughan	Dover Publications	2003	1
533	MN(2):MN.003638-9	Residues and their applications / A. O. Gelfond.	Mir	2006	2
534	GT(19):GT.018886-904	Giáo trình Giải tích số	Đại học Cần Thơ	2013	19
535	DT(20):TH.001795-814	Giải tích số / Nguyễn Minh Chương,...[và những người khác]	Giáo dục	2007	20
536	DT(6):TH.000887-92	Giải tích 12 nâng cao / Đoàn Quỳnh(Tổng chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục	2008	6
537	DT(1):TH.004506	Giải tích 12 / Trần Văn Hạo(Tổng chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2019	1
538	DT(5):TH.004462-6	Giải tích phép tính vi phân và tích phân hàm một biến / Thái Thuần Quang(chủ biên), ...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2020	5
539	GT(79):GT.026756-61, GT.026763-835	Giáo trình giải tích : Tập 1 : (Dành cho sinh viên các ngành tự nhiên và kỹ thuật) / PGS.TS. Đinh Huy Hoàng, ...[và những người khác]	Đại học Vinh	2017	79
540	GT(80):GT.030125-204	Giáo trình giải tích : T.2 / : (Dùng cho đào tạo cử nhân sư phạm Toán học). / PGS.TS Đinh Huy Hoàng (chủ biên), ...[và những người khác]	Đại học Vinh	2019	80
541	VE(1):VE.000375	Calculus : An introduction to applied mathematics / Harvey P. Greenspan, David J. Benney	McGraw-Hill Book Company	2003	1
542	VE(1):VE.000348	Applied mathematical analysis / Stanley I.Grossman	Wadsworth Publishing Company	2003	1
543	VE(1):VE.000897	Advanced calculus for applications / Francis B. Hildebrand	Prentice-Hall	2006	1
544	VE(2):VE.000595-6	Analytic function theory : Vol. 1 / Einar Hiller	Ginn and Company	2006	2
545	VE(1):VE.000524	Analytic function theory : Vol.2 / Einar Hille	Ginn and Company	2006	1
546	VE(1):VE.000597	System programming : Vol. 2 / Einar Hiller	Ginn and Company	2006	1
547	MN(3):MN.015334-6	Calculus : Ideas and Applications / Alex Himonas, Alan Howard	John Wiley	2006	3
548	MN(1):MN.003628	<The> Theory of functions of a real variable and the theory of fourier's series : Vol. 1. / E. W. Hobson.	Dover	2006	1

549	MN(1):MN.003627	<The> Theory of functions of a real variable and the theory of fourier's series : Vol. 2. / E. W. Hobson.	Dover	2006	1
550	MN(1):MN.000432	Calculus : For business, economics, and the social and life sciences / Laurence D. Hoffmann, Gerald L. Bradley.	McGraw-Hill	2003	1
551	MN(3):MN.015062, MN.015203-4	Applied calculus : For business, economics, and the social and life science / Laurence D. Hoffmann, Gerald L. Bradley, Kenneth H. Rosen	McGraw-Hill	2006	3
552	VE(1):VE.000500	Boundary value problems and partial differential equations / Mayer Humi, William B. Miller	PWS - Kent	2006	1
553	DT(2):TH.004783-4	Giải tích trên đa tạp / Hoàng Nam (Chủ biên), Trần Trung	Giáo dục Việt Nam	2018	2
554	DT(8):TH.002364-71	Các dạng toán diện hình giải tích tổ hợp luyện thi đại học : Theo xu hướng mới tự luận và trắc nghiệm / Huỳnh Công Thái	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	8
555	VE(1):VE.000449	Tables of the functions in the complex domain / K. A. Karpov, D. E. Brown	Winthrop publishers	2006	1
556	VE(1):VE.000593	Modern theories of integrstion / H. Kestelman	Dover publications	2006	1
557	DT(9):TH.001329-37	Kiến thức chuẩn và nâng cao Giải tích 12 Tự luận - trắc nghiệm : Bồi dưỡng HS khá giỏi, luyện thi tốt nghiệp THPT, Đại học / TS Lê Duy Phát, PGS.TS Nguyễn Văn Lộc,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	9
558	VE(1):VE.000025	Infinite Sequences and series / Dr. Konrad Knopp; Translator: Bagemihl Fredrick	Dover publications	2007	1
559	MN(2):MN.015166-7	Math matters: An intergrated approach : Book 1 / Chicha Lynch, Eugene olmstead	National textbook company	2006	2
560	MN(2):MN.015168-9	Math matters: An intergrated approach : Book 2 / Chicha Lynch, Eugene olmstead	South - Wetrn Educational Publishing	2006	2
561	DT(2):TH.001309-10	Giải tích 12: Đạo hàm và ứng dụng : Bài tập tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức, Lê Bích Ngọc	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	2
562	DT(3):TH.001169-71	Giải tích tổ hợp 12 : Bài tập tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	3
563	DT(12):TH.001712-23	Phương pháp giải toán đạo hàm và ứng dụng / Chủ biên: ThS Lê Hồng Đức, NGƯT Đào Thiện Khải,...[và những người khác]	Đại học Sư phạm	2009	12
564	DT(3):TH.000382-4	Rèn luyện kĩ năng làm bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn giải tích / Chủ biên: Lương Mậu Dũng, Nguyễn Hữu Ngọc, Lê Đức Phúc	Giáo dục	2009	3
565	GT(5):GT.032886-90	Bài tập Độ đo - Tích phân / Lê Mậu Hải, Lê Anh Dũng, Nguyễn Văn Khiêm	Đại học Sư phạm	2017	5
566	DT(1):TH.004033	Học và ôn tập toán giải tích 12. Tập 2, Tích phân và tổ hợp : Dùng cho học sinh ban A và luyện thi đại học / Lê Bích Ngọc (Chủ biên), Lê Hồng Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	1
567	DT(30):TH.003560-89	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế. Phần 2, Giải tích toán học / Lê Đình Thuý	Thống Kê,	2004	30
568	GT(10):GT.042407-16	Giáo trình phương pháp tính và Matlab : Lý thuyết, bài tập và chương trình minh họa (Dùng cho sinh viên khối các Khoa học Công Nghệ) / PGS.TS Lê. Trọng Đại học Vinh ThS. Trần Minh Toàn	Bác Khoa Hà Nội	2019	10

569	VE(2):VE.000251, VE.000817	Vector calculus / Jerrold E. Marsden, Anthony J. Tromba	Academic press	2004	2
570	VE(1):VE.000993	Complex variable theory and transform calculus : With technical applications / N. W. McLachlan	Cambridge at the university press	2003	1
571	VE(1):VE.001168	Schaum's outline of theory and problems of beginning calculus / Elliott Mendelson	McGraw-Hill	2003	1
572	MN(2):MN.015180-1	Merrill integrated mathematics : Course 3	McGraw-Hill	2006	2
573	DT(6):TH.004100-5	Một số phương pháp chọn lọc giải các bài toán sơ cấp :. Tập 3 : Tài liệu dùng cho học sinh chuẩn bị thi vào các trường Đại học và bồi dưỡng học sinh giỏi toán. / Phan Đức Chính,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	6
574	VE(1):VE.000465	Differential equations / Forest Ray Moulton	Dover publications	2006	1
575	MN(1):MN.003626	<The> Theory of determinants in the historical order of development : Four volumes bound as two / Thomas Muir.	Dover,	2006	1
576	VE(1):VE.001197	Multiveriable calculus / William G. McCallum,...[et al.]	John Wiley & Sons	2003	1
577	GT(75):GT.019992-20066	Lý thuyết hàm trên trường phi Ácsimét / TS. Mai Văn Tư	Đại học Vinh	2013	75
578	VE(1):VE.001327	Learing machines / Nils J. Nilsson	McGraw-Hill book company	2003	1
579	GT(17):GT.039302-18	Chuỗi và phương trình vi phân / Nguyễn Đình Bình, Lê Trọng Vinh	Khoa học và kỹ Thuật	2008	17
580	GT(12):GT.039522-33	Cơ sở lý thuyết đa thể vị / PGS.TSKH Nguyễn Quang Diệu, GS Lê Mậu Hải	Đại học Sư phạm	2009	12
581	GT(10):GT.040805-14	Cơ sở lý thuyết đa thể vị / Nguyễn Quang Diệu, GS.TSKH Lê Mậu Hải	Đại học sư phạm	2014	10
582	DT(41):TH.002563-92, TH.002801-11	Bài tập Phép tính vi phân và phép tính tích phân / Nguyễn Văn Đoàn, Nguyễn Doãn Tuấn.	Đại học Quốc gia Hà Nội	1999	41
583	DT(9):TH.001320-8	Phương pháp trắc nghiệm đạo hàm và đồ thị : Bồi dưỡng học sinh khá giỏi 12. Luyện thi tú tài và các kỳ thi Quốc gia / Nguyễn Đức Đồng, Trần Huyền, Nguyễn Văn Vĩnh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	9
584	DT(9):TH.003696-701, TH.004552-4	Toán cao cấp. Tập 2. Giải tích toán học : Dùng cho sinh viên các ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh / Nguyễn Huy Hoàng.	Giáo dục	2012	9
585	GT(8):GT.015773-4, GT.015777-82	Giáo trình phương trình đạo hàm riêng / Nguyễn Thừa Hợp	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	8
586	GT(37):GT.004108, GT.004110-1, GT.004122- 30, GT.004138-45, GT.004148, GT.004156- 62, GT.004169, GT.004171, GT.004183-7, GT.004190, GT.004193	Phép biến đổi Laplace và ứng dụng = Laplace transforms and application / Nguyễn Đình Huân	Trường Đại học Vinh	2006	37
587	DT(10):TH.004467-76	Phương trình đạo hàm riêng. P.2 / Nguyễn Mạnh Hùng	Đại học sư phạm	2006	10

588	DT(12):TH.002704-15	Bài toán biên ban đầu thứ nhất đối với hệ Schrodinger mạnh trong miền không tròn / Chủ biên: Nguyễn Mạnh Hùng, Cung Thế Anh	Đại học sư phạm	2005	12
589	GT(10):GT.040760-9	Bài toán biên thứ nhất đối với hệ parabolic trong hình trụ với biên không tròn : (Giáo trình sau đại học) / Nguyễn Mạnh Hùng, Phạm Triều Dương	Đại học Sư phạm	2006	10
590	DT(10):TH.004312-21	Bài tập phép tính vi phân và tích phân. T.1 / Nguyễn Văn Khuê(Chủ biên), Cán Văn Tuất, Bàu Đắc Tắc	Đại học sư phạm	2014	10
591	DT(10):TH.004372-81	Bài tập phép tính vi phân và tích phân. T.2 / Nguyễn Văn Khuê, Cán Văn Tuất, Bùi Đắc Tắc	Đại học Sư phạm	2004	10
592	DT(7):TH.004274-80	Bài tập phép tính vi phân và tích phân. Tập 2 / GS.TS Nguyễn Văn Khuê (Chủ biên), PTS Cán Văn Tuất, PTS Bùi Đắc Tắc.	Đại học Sư phạm Hà Nội 1	1995	7
593	DT(10):TH.004362-71	Giải tích toán học. T.2 / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải	Đại học sư phạm	2010	10
594	GT(9):GT.038788-96	Giải tích Toán học :. Tập 2 / GS.TSKH Nguyễn Văn Khuê, PGS.TSKH Lê Mậu Hải	Đại học Sư phạm Hà Nội	2002	9
595	DT(29):TH.000611-39	Bài tập giải tích hàm / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	29
596	DT(30):TH.001682-711	Mở đầu về không gian Vector tôpô và một số vấn đề chọn lọc của giải tích hàm / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải	Đại học Sư phạm Hà Nội	2005	30
597	GT(9):GT.038779-87	Giải tích Toán học :. Tập 1 / Chủ biên: GS.TSKH Nguyễn Văn Khuê, GS.TSKH Lê Mậu Hải	Đại học Sư phạm Hà Nội	2007	9
598	GT(21):GT.039361-81	Phép tính vi phân dạng - vi phân trong không gian Banach / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải.	Đại học Sư phạm	2004	21
599	DT(14):TH.003072-85	Phép tính vi phân và tích phân trong R^n : Sách dùng cho bồi dưỡng thường xuyên giáo viên PTTH / GS.TS Nguyễn Văn Khuê, PTS Bùi Đắc Tắc.	Giáo dục	1996	14
600	DT(10):TH.003310-6, TH.004549-51	Bài tập giải tích vector / Nguyễn Xuân Liêm	Giáo dục Việt Nam	2012	10
601	GT(10):GT.024956-63, GT.038736-7	Giải tích Vector : Giáo trình lí thuyết và bài tập có hướng dẫn / Nguyễn Xuân Liêm	Giáo dục Việt Nam	2012	10
602	GT(14):GT.039413-26	Giải tích hàm / Nguyễn Xuân Liêm.	Giáo dục	1994	14
603	DT(4):TH.002629-32	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán THPT: Giới hạn dãy số và hàm số / Nguyễn Văn Mậu, Nguyễn Thủy Thanh	Giáo dục	2006	4
604	DT(10):TH.004518-27	Cơ sở lý thuyết điều khiển tuyến tính / Nguyễn Doãn Phước	Bách khoa Hà Nội	2020	10
605	DT(15):TH.004508-17, TH.004732-6	Phân tích và điều khiển hệ phi tuyến / Nguyễn Doãn Phước	Bách khoa Hà Nội	2020	15
606	GT(8):GT.040518-25	Hướng dẫn giải bài tập giải tích toán học. T.1 / Nguyễn Thủy Thanh, Đỗ Đức Giáo	Đại học Quốc gia	2008	8
607	DT(3):TH.004714-6; GT(17):GT.007217-25, GT.007227-34	Toán cao cấp :. T.3, Phép tính tích phân, lí thuyết chuỗi, phương trình vi phân / Nguyễn Thủy Thanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	20
608	GT(22):GT.038982-9003	Toán học cao cấp :. T.3, Phép tính giải tích nhiều biến số / Nguyễn Đình Trí(Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh.	Giáo dục	2001	22

609	VE(1):VE.000376	Calculus : From graphical, numerical, and symbolic points of view / Arnold Ostebee, Paul Zorn	Saunders college publishing	2003	1
610	MN(1):MN.003640	Functions of a complex variable / James Pierpont.	Dover	2006	1
611	VE(1):VE.000150	A course of analysis / E. G. Phillips	The cambridge university press	2004	1
612	DT(30):TH.001948-77	Phương trình đạo hàm riêng / Nguyễn Minh Chương(chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục	2001	30
613	MN(1):MN.017044	Calcul différentiel et intégral : Tome I / N. Piskounov	Éditions Mir	2006	1
614	MN(1):VE.000006	Differential and Integral Calculus : Vol. I / N. Piskunov	Mir Publishers	2007	1
615	MN(1):VE.000007	Differential and Integral Calculus : Vol. II / N. Piskunov	Mir Publishers	2007	1
616	VE(1):VE.001041	Ordinary differential equations using matlab : 2nd ed. / John C. Polking, David Arnold	Pearson	2003	1
617	VE(1):VE.000511	A first course in real analysis / M. H. Protter, C. B. Morrey	Springer	2006	1
618	DT(8):TH.000013-7, TH.004798-800	Câu hỏi trắc nghiệm Giải tích 12 / Phan Lưu Biên, Trần Thành Minh, Trần Quang Nghĩa.	Giáo dục	2003	8
619	LA(1):LA.005863	Hàm toán tử đúng và sự tồn tại nghiệm hầu tuần hoàn của phương trình vi phân tuyến tính không thuần nhất / Phạm Hoà Bình	Đại học Vinh	2008	1
620	DT(10):TH.003837-46	Toán nâng cao giải tích. T.2 : Hàm số và ứng dụng của hàm số / Phan Huy Khải	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	10
621	DT(9):TH.001673-81	Các phương pháp biến luận hệ có tham số / Phan Huy Khải.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	9
622	GT(3):GT.038731-3	Ổn định hệ vi phân ngẫu nhiên / Phan Đức Thành, Phan Lê Na	Đại học Vinh	2014	3
623	VE(1):VE.001109	Methods of real analysis : 2nd ed. / Richard R. Goldberg	John wiley & sons	2003	1
624	VE(1):VE.001117	Precalculus : With modeling and visualization / Gary K. Rockswold	Addison Wesley	2003	1
625	VE(1):VE.000711	Calculus : Early transcendentals / Jon Rogawski	Freeman custom publishing	2006	1
626	VE(1):VE.000530	Principles of mathematical analysis / Walter Rudin	McGraw-Hill book company	2006	1
627	MN(1):MN.003586	Ricci-calculus an introduction to tensor analysis and its geometrical applications / J. A. Schouten.	Springer-Verlag	2006	1
628	VE(1):VE.000095	Calculus and analytic geometry / Al Shenk	Goodyear Publishing Company	2004	1
629	MN(1):MN.015337	Calculus : Multivariable / Robert T. Smith, Roland B. Minton	McGraw-Hill	2006	1
630	MN(1):MN.020888	Calculus : Early transcendental functions / Robert T. Smith, Roland B. Minton	McGraw-Hill	2004	1
631	MN(1):MN.000565	Calculus : Multivariable / Robert T. Smith, Roland B. Minton.	McGraw-Hill	2003	1
632	VE(1):VE.001151	Elements of partial differential equations / Ian N. Sneddon	McGraw-hill book company	2003	1
633	VE(2):VE.000425, VE.000986	Precalculus mathematics / Max Sobel, Norbert Lerner	Prentice Hall	2003	2
634	VE(1):VE.001243	Schaum's outline of theory and problems of vector analysis and an introduction to tensor analysis / Murray R. Spiegel	Schaum publishing company	2003	1

635	VE(1):VE.000144	Tensor and vector analysis : With applications to differential geometry / C. E. Springer	The ronald press company	2004	1
636	VE(2):VE.000370, VE.001220	Single variable calculus : Concepts and contexts / James Stewart	Brooks/cole	2003	2
637	VE(2):VE.000390, VE.000843	Calculus : Early transcendetals / James Stewart	Brooks/cole publishing company	2003	2
638	VE(1):VE.000975	Single variable calculus / James Stewart	Brooks/cole publishing company	2006	1
639	VE(1):VE.000968	Single variable calculus / James Stewart	Brooks/cole publishing company	2006	1
640	VE(1):VE.000673	Single variable calculus / James Stewart	Brooks/cole publishing company	2006	1
641	MN(1):MN.020527	Partial differential equations : An introduction / Walter A. Strauss	John Wiley & Sons	2008	1
642	MN(8):MN.003629-36	<The> theory of functions of a complex variable / A. G. Sveshnikov, A. N. Tikhonov.	Mir Publishers	2006	8
643	MN(3):MN.003592-4	<The> theory of functions of a complex variable / A. G. Sveshnikov, A. N. Tikhonov.	Mir Publishers	2006	3
644	VE(1):VE.001245	Calculus : A first course / Earl W. Swokowski	Prindle, Weber & Schmidt	2003	1
645	DT(2):TH.004499-500	Tài liệu chuyên toán giải tích 12 / Đoàn Quỳnh(chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2017	2
646	MN(1):MN.021210	Visualizing calculus by way of maple : An emphasis on problem solving / Arnavaz Taraporevala, Nadia Benakli, Satyanand Singh	McGraw-Hill	2012	1
647	VE(1):VE.001214	Elements of calculus and analytic geometry / George B. Thomas	Revised edition	2004	1
648	VE(1):VE.000218	Theory of functions : A Unified Presentation / L. V. Toralballa	Charles E.Merrill Books	2003	1
649	MN(1):MN.003611	<A> treatise on the Theory of Determinants.	Dover	2006	1
650	MN(1):MN.003625	<The> Theory of determinants, matrices and invariant / H. W. Turnbull.	Dover	2006	1
651	GT(29):GT.039382-410	Không gian Metric tuyến tính / Trần Văn Ân, Tạ Khắc Cư.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	29
652	GT(10):GT.024940-7, GT.037801-2	Giáo trình giải tích II / PGS.TS Tô Văn Ban	Giáo dục Việt Nam	2015	10
653	GT(8):GT.024948-55	Giáo trình giải tích I : Dành cho sinh viên các trường Kỹ thuật và Công nghệ / Tô Văn Ban	Giáo dục Việt Nam	2014	8
654	GT(30):GT.036646-56, GT.038027-45	Giáo trình giải tích toán học. Tập 1, Sách dùng cho sinh viên toán tin và các ngành kỹ thuật / Tạ Khắc Cư, Nguyễn Văn Quảng.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	30
655	GT(12):GT.038046-57	Giáo trình Giải tích toán học : Tập 2. : Dùng cho sinh viên toán tin học và các ngành kỹ thuật / Tạ Khắc Cư, Nguyễn Văn Quảng.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	12
656	DT(30):TH.003380-409	Bài tập giải tích : T.1, Phép tính vi phân / Trần Đức Long, Hoàng Quốc Toàn, Nguyễn Đình Sang.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	30
657	DT(10):TH.003461-70	Bài tập giải tích /. T.3, Tích phân phụ thuộc tham số - Tích phân bội tích phân đường và tích phân mặt / Trần Đức Long, Nguyễn Đình Sang, Hoàng Quốc Toàn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	10

658	DT(26):TH.003410-35	Bài tập giải tích. T.2 P.1, Tích phân không xác định, tích phân xác định, tích phân suy rộng, chuỗi số, chuỗi hàm / Trần Đức Long, Nguyễn Đình Sang, Hoàng Quốc Toàn.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	26
659	DT(25):TH.003436-60	Bài tập giải tích :. T.2: P.2, Tích phân phụ thuộc tham số - Tích phân bội - Tích phân đường và tích phân mặt / Trần Đức Long, Nguyễn Đình Sang, Hoàng Quốc Toàn.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	25
660	DT(8):TH.003788-95	Thiết kế bài giảng giải tích 12 nâng cao. T.1 / Trần Vinh	Hà Nội	2008	8
661	DT(6):TH.003773-8	Thiết kế bài giảng Giải tích 12. T.1 / Trần Vinh	Hà Nội	2008	6
662	DT(8):TH.003779-86	Thiết kế bài giảng giải tích 12. T.2 / Trần Vinh	Hà Nội	2009	8
663	DT(8):TH.003796-803	Thiết kế bài giảng giải tích 12 nâng cao. T.2 / Trần Vinh	Hà Nội	2009	8
664	DT(8):TH.002042-9	Tuyển tập 400 bài toán lượng giác 11 : (Biên soạn theo chương trình sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Ôn thi Đại học và Cao đẳng. Ôn thi Olympic Toán trong nước và quốc tế. Giới thiệu nhiều đề thi Đại học, đề thi Olympic 30-4, đề thi Olympic Toán quốc tế và đề toán trên tạp chí "Toán học và tuổi trẻ". Giới thiệu đề trắc nghiệm / ThS Võ Giang Giai	Đại học Sư phạm	2007	8
665	DT(3):TH.003951-3	Khảo sát hàm số. Tập 1, Phân loại các dạng toán khảo sát hàm số. 234 bài toán minh họa - 15 chuyên đề. Đặc biệt một số chuyên đề dành cho học sinh giỏi. Giải đề thi tuyển sinh Đại học : Tài liệu bồi dưỡng học sinh luyện thi đại học / Võ Đại Mau.	Trẻ	1995	3
666	GT(50):GT.034951-5000	Giáo trình Lý thuyết chiều : Dùng cho đào tạo thạc sĩ toán giải tích / Chủ biên: TS. Vũ Thị Hồng Thanh, TS. Trần Anh Nghĩa	Đại học Vinh	2020	50
667	GT(10):GT.021132-6, GT.022699-703	Giáo trình giải tích toán học : Tập 1: Dùng cho sinh viên Khoa Toán - Tin Đại học, Cao đẳng Sư phạm, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học, cao đẳng khối Khoa học - Kỹ thuật , Kinh tế / Vũ Tuấn	Giáo dục Việt Nam	2011	10
668	GT(10):GT.021137-41, GT.022817-21	Giáo trình giải tích toán học : Tập 2: Dùng cho sinh viên Khoa Toán - Tin Đại học, Cao đẳng Sư phạm, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học, cao đẳng khối Khoa học - Kỹ thuật , Kinh tế / Vũ Tuấn	Giáo dục Việt Nam	2011	10
669	NN(5):NN.001112-6	Linear and nonlinear parabolic complex equations / Guo Chun Wen	World Scientific	1999	5
670	VE(1):VE.000869	Elementary differential equations / L. R. Wilcox, Herbert J. Curtis	International textbook company	2006	1
671	VE(1):VE.000765	Macromolecules: Structure and function / Finn Wold	Prentice-Hall	2006	1
672	VE(1):VE.001172	Schaum's outline of theory and problems of advanced calculus / Pobert Wrede, Murray R. Spiegel	McGraw-Hill	2003	1
673	MN(10):MN.003647-56	Mathematical analysis : <A> brief course for engineering students / A. F. Bermant, I. G. Aramanovich.	Mir	2006	10
674	MN(10):MN.003691-700	A problem book in mathematical analysis / G. N. Berman.	Mir	2006	10
675	GT(15):GT.039427-41	Giáo trình toán cao cấp (D) : Dùng cho sinh viên Đại học đại cương - chương trình 5,6,7 / PTS Đậu Thế Cấp, Lê Quang Hoàng Nhân	Trẻ	2003	15

676	GT(30):GT.039064-93	Giải tích toán học. T.1 : Những nguyên lí cơ bản & tính toán thực hành / Đinh Thế Lục, ...[và những người khác]	Giáo dục	1998	30
677	GT(16):GT.037953-68	Giáo trình Toán đại cương :. P.II. T.1. Giải tích : Dùng cho nhóm ngành 1 / Chủ biên: Phạm Ngọc Thao, Lê Mậu Hải,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	16
678	GT(13):GT.037969-81	Giáo trình Toán đại cương :. P.II. T.2, Giải tích : Dùng cho nhóm ngành 1 / Chủ biên: Phạm Ngọc Thao, Lê Mậu Hải,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	13
679	GT(16):GT.038059-74	Giáo trình Giải tích - Hàm một biến / Nguyễn Đình Phư, Nguyễn Công Tâm,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2002	16
680	GT(17):GT.038075-91	Giáo trình Giải tích - Hàm nhiều biến / Nguyễn Đình Phư, Nguyễn Công Tâm,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2002	17
681	GT(27):GT.006448-9, GT.006451-5, GT.006457-62, GT.006464, GT.006466-71, GT.037528-32, GT.039548-9	Giáo trình các phương pháp số / Hoàng Xuân Huân	Đại học Quốc gia Hà Nội	2004	27
682	GT(29):GT.037909-37	Giáo trình Tổ hợp / TS. Hoàng Chí Thành.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	29
683	GT(24):GT.038865-88	Toán học cao cấp :. Phần I, Dùng cho sinh viên thuộc các chuyên ngành Y, Sinh, Nông lâm, Thổ nhưỡng / Lê Viết Ngự(Chủ biên), Phan Văn Danh.	Giáo dục	1996	24
684	GT(30):GT.040102-31	Toán cao cấp : Giáo trình dùng cho sinh viên thuộc các chuyên ngành Y, Sinh, Nông lâm, Thổ nhưỡng / PTS Lê Viết Ngự, ThS Phan Văn Danh.	Giáo dục	1998	30
685	GT(36):GT.036688-93, GT.040571-600	Giáo trình toán :. Tập 1, Giải tích 1 : Giáo trình và 300 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d.: Lý Hoàng Tú., Hiệu đính: Nguyễn Văn Thường	Giáo dục	2001	36
686	GT(22):GT.040638-59	Giáo trình toán. Giải tích 3, Tập 3 : Giáo trình và 500 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d.: Nguyễn Văn Thường	Giáo dục	2001	22
687	GT(1):GT.051390	Giáo trình toán. Tập 1, Giải tích 1 : Giáo trình và 300 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d.: Lý Hoàng Tú., Hiệu đính: Nguyễn Văn Thường	Giáo dục	1999	1
688	GT(37):GT.040601-37	Giáo trình toán :. Tập 2 : Giải tích 2: Giáo trình và 600 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d. Nguyễn Văn Thường.	Giáo dục	2001	37
689	GT(3):GT.036694-6	Giáo trình toán. Tập 3, Giải tích 3 : Giáo trình và 500 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d.: Nguyễn Văn Thường.	Giáo dục	2001	3
690	GT(24):GT.012335-52, GT.039512-3, GT.040175-8	Hàm số biến số thực (Cơ sở giải tích hiện đại) : Giáo trình dùng cho sinh viên khoa Toán các trường Đại học / Nguyễn Đình, Nguyễn Hoàng	Giáo dục	2009	24
691	GT(13):GT.039879-91	Đa tạp khả vi : Giáo trình sau đại học / Nguyễn Văn Đoàn	Đại học Sư phạm	2007	13

692	GT(10):GT.038760-9	Phép tính vi phân và tích phân :. Tập 1 : Giải tích I và II / Chủ biên: GS.TS Nguyễn Văn Khuê, PTS Cận Văn Tuất, PTS Đậu Thế Cấp.	Đại học Sư phạm Hà Nội 1	1994	10
693	GT(9):GT.038770-8	Phép tính vi phân và tích phân :. Tập 2 : Giải tích I và II / Chủ biên: GS.TS Nguyễn Văn Khuê, PTS Cận Văn Tuất, PTS Đậu Thế Cấp.	Đại học Sư phạm Hà Nội 1	1994	9
694	GT(15):GT.038706-20	Phép tính vi phân và tích phân. T.1 : (Giải tích I và II) / GS.TS Nguyễn Văn Khuê(Chủ biên), PTS Cận Văn Tuất, PTS Đậu Thế Cấp.	Đại học Sư phạm Hà Nội	1995	15
695	GT(12):GT.038721-30, GT.040516-7	Phép tính vi phân và tích phân. T.2 : (Giải tích I và II) / GS.TS Nguyễn Văn Khuê(Chủ biên), PTS Cận Văn Tuất, PTS Đậu Thế Cấp.	Đại học Sư phạm Hà Nội	1995	12
696	GT(18):GT.023047-64	Giáo trình độ đo và tích phân / GS.TSKH Nguyễn Văn Khuê, TS Bùi Đắc Tắc, PGS.TSKH Phạm Hoàng Hiệp	Đại học Sư phạm	2014	18
697	GT(10):GT.032721-30	Giáo trình Độ đo và tích phân / Nguyễn Văn Khuê, Bùi Đắc Tắc, Phạm Hoàng Hiệp	Đại học Sư phạm	2018	10
698	GT(9):GT.038843-51	Giải tích :. Tập 1 : Giáo trình đại học đại cương / Nguyễn Xuân Liêm.	Giáo dục	1997	9
699	GT(13):GT.038852-64	Giải tích :. Tập 2 : Giáo trình đại học đại cương / Nguyễn Xuân Liêm.	Giáo dục	1998	13
700	GT(18):GT.007199-216	Toán cao cấp : Tập 2: Phép tính vi phân các hàm / Nguyễn Thủy Thanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	18
701	GT(30):GT.040179-208	Bài giảng giải tích. T.1 / Nguyễn, Duy Tiến.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	30
702	GT(9):GT.015218-24, GT.015226-7	Giáo trình giải tích đa trị / Nguyễn, Đông Yên	Khoa học tự nhiên và công nghệ	2007	9
703	GT(10):GT.019127-36	Giáo trình giải tích đa trị / Nguyễn Đông Yên	Khoa học và công nghệ	2013	10
704	GT(1):GT.006534	Giáo trình hàm thực và giải tích hàm / Phạm Kỳ Anh, Trần Đức Long	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	1
705	GT(18):GT.040336-53	Giải tích số / Phạm Kỳ Anh	Đại học Quốc gia Hà Nội	1996	18
706	GT(6):GT.040330-5	Giải tích số / Phạm Kỳ Anh.	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	6
707	GT(43):GT.002087-8, GT.002091-6, GT.002101- 2, GT.002113-5, GT.002118, GT.002124, GT.002127, GT.002134-5, GT.002137, GT.002141, GT.002143-5, GT.002151- 5, GT.002159-66, GT.005811-4, GT.038095- 7	Bài giảng Lý thuyết ổn định Liapunov / Phạm Ngọc Bội	Đại học Huế,	2007	43
708	GT(30):GT.040382-411	Phép tính vi phân và tích phân của hàm nhiều biến chuỗi số và chuỗi hàm : Nhóm ngành II / Phan Văn Hạp, Đào Huy Bích, Phạm Thị Oanh.	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	30
709	GT(16):GT.038797-812	Toán cao cấp :. Tập 1 (A1), Giải tích một biến / Chủ biên: Nguyễn Văn Khuê, Phạm Ngọc Thao,...[và những người khác]	Giáo dục	1997	16
710	GT(31):GT.038938-68	Toán cao cấp. T.2. Giải tích và hàm một biến: Sách dùng cho sinh viên các trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học kỹ thuật, Đại học sư phạm / Lê Việt Ngu(Chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục	2000	31

711	GT(11):GT.038813-23	Toán cao cấp :. Tập 2. (A2), Giải tích nhiều biến / Chủ biên: Nguyễn Văn Khuê, Phạm Ngọc Thao,...[và những người khác]	Giáo dục	1997	11
712	GT(19):GT.038824-42	Toán cao cấp :. Tập 3. (A3) / Chủ biên: Nguyễn Văn Khuê, Phạm Ngọc Thao,...[và những người khác]	Giáo dục	1997	19
713	GT(8):GT.005672-9	Giải tích 1 : Phép tính vi phân và tích phân của hàm một biến: Dùng cho sinh viên kỹ thuật, cao đẳng, đại học, sau đại học / Trần Bình	Khoa học kỹ thuật	2006	8
714	GT(8):GT.013453-8, GT.037807, GT.038058	Giáo trình giải tích :. Tập 3, Tích phân suy rộng, tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt / Trần Đức Long, Nguyễn Đình Sang, Hoàng Quốc Toàn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	8
715	GT(17):GT.039472-88	Bài tập giải tích. T.1 : (Giáo trình toán, nhóm ngành I) / Phạm Ngọc Thao, ...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	17
716	GT(14):GT.040430-43	Bài tập giải tích. T.2 : (Giáo trình toán, Nhóm ngành I) / Phạm Ngọc Thao, ...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	14
717	GT(19):GT.038889-907	Toán học cao cấp. Phần II, Sách dùng cho sinh viên thuộc các chuyên ngành Y, Sinh, Nông lâm, Thổ nhưỡng / Lê Viết Ngu(Chủ biên), Phan Văn Danh.	Giáo dục	1997	19
718	GT(14):GT.040502-15	Bài tập phép tính vi phân và tích phân. T.1 / GS.TS Nguyễn Văn Khuê, PTS Cán Văn Tuất, PTS Bùi Tắc Đắc.	Đại học Sư phạm Hà Nội 1,	1995	14
719	GT(21):GT.039892-912	Bài tập giải tích hàm / Nguyễn Xuân Liêm.	Giáo dục	2001	21
720	DT(3):TH.004791-3	Bài tập giải tích : Tập II. Phần I: Tích phân không xác định, tích phân xác định. Tích phân suy rộng chuỗi số. Chuỗi hàm / Trần Đức Long.	Đại học Quốc gia	2003	3
721	MN(1):MN.015338	Calculus : Single variable / Hughes-Hallett, ...[et al]	John Wiley	2006	1
722	DT(15):TH.000772-86	10.000 bài toán sơ cấp : Phương trình và bất phương trình có tham số / Phan Huy Khải.	Hà Nội	2001	15
723	DT(6):TH.003251-6	Giải toán lượng giác : Ôn thi đại học / Trần Thành Minh,...[và những người khác]	Giáo dục	2003	6
724	GT(2):GT.039954-5	Chuyên đề bất đẳng thức chọn lọc. T.1 : Cho học sinh phổ thông cơ sở / Phan Huy Khải.	Giáo dục	1998	2
725	GT(4):GT.040498-501	Chuyên đề bất đẳng thức chọn lọc. T.2 : Cho học sinh phổ thông cơ sở / Phan Huy Khải.	Giáo dục	1998	4
726	DT(29):TH.001978-2006	Cơ sở phương trình vi phân và lý thuyết ổn định / Nguyễn Thế Hoàn, Phạm Phú.	Giáo dục	2003	29
727	DT(20):TH.000045-64	Lý thuyết phương trình vi phân đạo hàm riêng / Trần Đức Văn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	20
728	DT(10):TH.000065-74	Lý thuyết phương trình vi phân đạo hàm riêng / Trần Đức Văn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	10
729	DT(5):TH.003239-41, TH.004705-6	Phương trình vi phân : Sách dùng chung cho các trường đại học sư phạm / Vũ Tuấn, Đoàn Văn Ngọc.	Giáo dục	1992	5
730	GT(17):GT.038543-59	Phương trình vi phân : Nhóm ngành II / Đào Huy Bích, Phan Văn Hạp, Phạm Thị Oanh.	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	17
731	GT(49):GT.036632-45, GT.037992-8026	Giáo trình giải tích. Tập 2, Phép tính tích phân hàm một biến dãy hàm - Chuỗi hàm / Trần Đức Long, Nguyễn Đình Sang, Hoàng Quốc Toàn.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	49

732	DT(15):TH.000310-22, TH.003197, TH.004718	Phương trình vi phân đạo hàm riêng / Nguyễn Mạnh Hùng	Đại học Sư phạm	2009	15
733	DT(16):TH.001779-94	Phương trình vi phân / Nguyễn Đình Phư.	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2002	16
734	NN(1):NN.000720	Stochastic differential equations : An introduction with applications / Bernt Oksendal	Springer	2013	1
735	DT(8):TH.001419-23, TH.004640-2	Tuyển tập Bài tập phương trình vi phân / Phan Huy Thiệp	Giáo dục Việt Nam	2010	8
736	DT(22):TH.003815-36	Phương trình vi phân đạo hàm riêng. T.2 / Trần Đức Vân.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	22
737	DT(31):TH.000864-78, TH.002067-81, TH.003203	Lý thuyết ổn định và ứng dụng / Nguyễn Đình Phư.	Giáo dục	1996	31
738	GT(80):GT.050123-202	Giáo trình độ đo và tích phân : (Dùng cho đào tạo cử nhân sư phạm Toán học) / PGS.TS Nguyễn Văn Đức, PGS.TS Đinh Huy Hoàng, TS Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Đại học Vinh	2023	80
739	GT(28):GT.013444, GT.013448, GT.013450, GT.036621-31, GT.037803-6, GT.037982-91	Giáo trình giải tích. Tập 1, Phép tính vi phân của hàm một biến và nhiều biến / Trần Đức Long, Nguyễn Đình Long, Hoàng Quốc Toàn.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	28
740	DT(7):TH.002990-6	Các phương pháp tính tích phân : Dùng cho sinh viên các trường Đại học kỹ thuật và kinh tế, sinh viên các trường Cao đẳng, sinh viên dự bị đại học / Nguyễn Thế Hùng.	Giáo dục	2000	7
741	DT(14):TH.000183-96	Phương pháp tính tích phân : Sách đọc thêm cho học sinh / Nguyễn Hữu Ngọc.	Trẻ	1995	14
742	DT(10):TH.002788-94, TH.004531-3	Bài tập Phương trình sai phân / Lê Đình Đình	Giáo dục Việt Nam	2011	10
743	DT(22):TH.001276-97	Phương trình sai phân và một số ứng dụng / Chủ biên: Lê Đình Thịnh, Đặng Đình Châu,...[và những người khác]	Giáo dục	2001	22
744	DT(13):TH.002446-58	Phép tính Ten xơ / P. Giáo sư Trịnh Phôi.	Giáo dục	1997	13
745	DT(5):TH.003118-22	Bài tập giải tích hàm / Lê Mậu Hải, Tăng Văn Long	Đại học Sư phạm	2018	5
746	GT(10):GT.032741-50	Giáo trình Giải tích hàm / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải	Đại học Sư phạm	2018	10
747	DT(15):TH.002997-3011	Giải tích hàm / Nguyễn Xuân Liêm	Giáo dục	1997	15
748	GT(6):GT.038976-81	Toán học cao cấp. T.2, Phép tính giải tích một biến số / Nguyễn Đình Trí(Chủ biên), Tạ Văn Đình, Nguyễn Hồ Quỳnh.	Giáo dục	2001	6
749	DT(10):TH.004772-81	Toán tử trong không gian Banach / ThS Nguyễn Khắc Triều, ThS Trần Thị Luyện	Khoa học và kỹ Thuật	2014	10
750	DT(10):TH.004183-92	Không gian tuyến tính Tôpô Banach - Hilbert : Giải tích 4 / GS.TS Nguyễn Văn Khuê (Chủ biên), PTS Lê Mậu Hải.	Đại học Sư phạm Hà Nội	1995	10
751	DT(2):YH.000093-4	Thuốc đường ruột từ cây cỏ trong nước.	Y Học,	1980	2

752	DT(12):TH.002763-72, TH.004707-8	Phương trình hàm / Nguyễn Văn Mậu.	Giáo dục	1997	12
753	GT(30):GT.039257-86	Hàm số biến số thực (Cơ sở giải tích hiện đại) : Giáo trình dùng cho sinh viên khoa toán các trường Đại học / Nguyễn Đình, Nguyễn Hoàng	Giáo dục	1999	30
754	DT(1):TH.003246	Bài tập lí thuyết hàm số biến số thực : Các bài toán và định lí / Yu.S. Otran; Người dịch: Trần Phúc Cường.	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1977	1
755	DT(8):TH.000082-9	Hàm biến phức và phép tính toán tử : Dùng cho sinh viên ngành Toán, Lý và Kỹ thuật / PGS.TS Đậu Thế Cấp	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2006	8
756	GT(30):GT.040300-29	Hàm biến phức / Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	30
757	DT(38):TH.000640-74, TH.002319-21	Hướng dẫn giải Bài tập hàm biến phức / Nguyễn Thủy Thanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	38
758	DT(14):TH.002331-44	Bài tập Lí thuyết thế vị / Lê Mậu Hải, Tăng Văn Long, Phùng Văn Mạnh	Đại học Sư phạm	2006	14
759	DT(25):TH.000390-414	Bài tập phương trình vi phân : Tóm tắt lí thuyết - Bài giải mẫu - Bài tập và Hướng dẫn giải / Nguyễn Thế Hoàn, Trần Văn Nhung.	Giáo dục	2005	25
760	VE(1):VE.000677	The design and analysis of computer algorithms / Alfred V. Aho, John E. Hopcroft, Jeffrey D. Ullman	Addison-Wesley publishing company	2006	1
761	VE(1):VE.001029	Numerical mathematics and computing / Ward Cheney, David Kincaid	Brooks/Cole publishing company	2003	1
762	VE(1):VE.000658	Applications and algorithms in computer science : Module A. Introduction to computers, structured programming, and applications / C. William Gear	Science research associates	2006	1
763	VE(1):VE.000514	Introduction to operations research : A computer - oriented algorithmic approach / Billy E. Gillett	McGraw - Hill	2006	1
764	VE(1):VE.000384	Introduction to numerical analysis / F.B. Hildebrand	McGraw-Hill Book Company	2003	1
765	VE(1):VE.000900	Genetic algorithms and simulated annealing / Davis Lawrence	Morgan Kaufman Publishers	2003	1
766	VE(1):VE.001316	Martin gardner's new mathematical diversions from scientific american	A Fireside book	2003	1
767	VE(1):VE.000577	Matrix metalloproteinases and inhibitors / Henning Birkedal-Hansen, ...[et al]	Gustav fischer verlag	2006	1
768	GT(80):GT.031283-362	Giáo trình giải tích số : (Dùng cho hệ cử nhân sư phạm toán học) / Chủ biên: Nguyễn Trung Hòa, Nguyễn Thanh Diệu, Võ Thị Hồng Vân	Đại học Vinh	2019	80
769	DT(30):TH.001815-44	Giải tích số : Thuật toán. Chương trình Pascal / TS Phạm Phú Triêm, TS Nguyễn Bường	Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	30
770	VE(1):VE.001353	Numerical methods / A. Singaravelu	Meenkshi agency	2003	1

771	GT(49):GT.013777-89, GT.013791-2, GT.013794- 800, GT.013806-7, GT.013809-10, GT.013812-3, GT.013815, GT.013817-23, GT.039213-25	Bài giảng thiết kế và đánh giá thuật toán : Dùng cho sinh viên ngành toán và công nghệ thông tin / Trần Xuân Sinh, Trần Xuân Hào	Đại học Quốc gia Hà Nội	2010	49
772	VE(1):VE.000242	Foundations of potential theory / Oliver Dimon Kellogg	Dover Publications	2004	1
773	VE(1):VE.000211	Applied calculus	John Wiley	2003	1
774	DT(1):TH.004785	Bài tập toán cao cấp : Đại số tuyến tính và giải tích	Lưu hành nội bộ	2009	1
775	MN(1):MN.015073	Elementary statistics : A step by step approach / Allan G. Bluman	McGraw-Hill	2006	1
776	MN(1):MN.015069	Math and dosage calculations for health occupations / Renee A. Dawe	McGraw-Hill	2006	1
777	DT(9):TH.002314-8, TH.004575-8	Bài tập xác suất và thống kê / Đinh Văn Gắng	Giáo dục Việt Nam	2014	9
778	DT(29):TH.000357-81, TH.004584-7	Lí thuyết xác suất và thống kê / Đinh Văn Gắng	Giáo dục	2012	29
779	GT(6):GT.047596-601	Mở đầu về lí thuyết xác suất và các ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng / Đặng Hùng Thắng	Giáo dục Việt Nam	2012	6
780	VE(1):VE.000439	Sequential methods in pattern recognition and machine learning : Vol.52: Mathematics in science and engineering / K.S.Fu	Academic press	2006	1
781	MN(1):MN.016519	The theory of probability / B. V. Gnedeke	Mir	2006	1
782	NN(3):NN.001214-6	Interface problems and methods in biological and physical flows. 17 / Editors: Boo Cheong Khoo, Zhilin Li, Ping Lin	World Scientific	2009	3
783	VE(1):VE.000356	Mathematical methods and theory in games, programming and economics : Vol. 2 / Samuel Karlin	Addison-Wesley	2003	1
784	VE(1):VE.000468	Queueing systems : Vol. 1: Theory / Leonard Kleinrock	John Wiley & Sons	2006	1
785	MN(2):MN.015380-1	Mathematica computer guide : A Self-Contained introduction. Advanced engineering mathematics / Erwin Kreyszig, E. J. Norminton	John wiley and sons, inc	2004	2
786	MN(7):MN.015130-6	Mathematics : Application and connections: Course 1	McGraw-Hill	2004	7
787	MN(5):MN.015156-60	Mathematics : Application and concepts: Course 2	McGraw-Hill	2004	5
788	MN(5):MN.015137-41	Mathematics : Application and concepts: Course 2	McGraw-Hill	2004	5
789	MN(7):MN.015144-50	Mathematics : Application and connections: Course 2.	McGraw-Hill	2004	7
790	MN(5):MN.015151-5	Mathematics : Application and connections: Course 3.	McGraw-Hill	2004	5
791	MN(2):MN.015178-9	Mathematics connections : Integrated and applied	McGraw-Hill	2006	2
792	GT(80):GT.030205-84	Giáo trình toán cho kỹ thuật / Nguyễn Tiến Dũng(Chủ biên), Nguyễn Huy Bằng	Đại học Vinh	2019	80
793	NLN(1):NLN.003107	Thống kê toán học trong lâm nghiệp / Ngô Kim Khôi	Nông nghiệp	2006	1
794	DT(7):TH.000075-81	Trò chơi: Lý thuyết và ứng dụng / TS. Nguyễn Khắc Minh, TS. Vũ Hoàng Ngân.	Thống kê,	2004	7

795	DT(25):TH.000415-35, TH.004662-5	Nhập môn trí tuệ tính toán = Computational Intelligence: Introduction / Nguyễn Hoàng Phương, Nadipuram R. Prasad, Lê Linh Phong.	Khoa học và kỹ Thuật	2002	25
796	DT(26):TH.004588-613	Phương pháp tính ứng dụng trong tính toán kỹ thuật / Nguyễn Hoài Sơn	Đại học Quốc Tp. Hồ Chí Minh	2008	26
797	GT(80):GT.030785-864	Giáo trình toán thống kê trong thể dục thể thao : Dùng cho sinh viên đại học ngành giáo dục thể thao / Nguyễn Thị Thế (chủ biên), Dương Xuân Giáp, Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đại học Vinh	2019	80
798	DX(1):TH.004805	Một số mẫu toán xử lý số liệu trong điều tra cơ bản / Nguyễn Ngọc Thừa, Hoàng Kiêm	Khoa học và kỹ Thuật	1979	1
799	NLN(42):NLN.006236-77	Khai thác và sử dụng SPSS để xử lý số liệu nghiên cứu trong nông nghiệp / Nguyễn Hải Tuất, Nguyễn Trọng Bình	Nông nghiệp	2003	42
800	DT(17):TH.003194, TH.003285-300	Xác suất và xử lý số liệu thống kê / Nguyễn Bác Văn.	Giáo dục	1996	17
801	MN(1):MN.019647	Méthodes numériques dans les problèmes d'extrémum / B. Pchénitchny, Y. Daniline	Éditions Mir	2006	1
802	DT(1):TH.004807	Toán ứng dụng trong đời sống / IA. I. Perelman; Người dịch: GS Nguyễn Đình Dậu, TS Huỳnh Văn Tâm, TS Nguyễn Văn Út	Thanh Hoá		1
803	MN(1):MN.019786	Numerical methods in extremal problems / B. N. Pshenichny, Yu. M. Danilin	Moscow	2006	1
804	NN(1):NN.001117	Quantum probability communications. 10 / R.L.Hudson, ...[et al]	World Scientific	1998	1
805	NN(1):NN.001118	Quantum Probability and infinite Dimensional Analysis. 20 / L.Accardi, ...[et al]	World Scientific	2007	1
806	VE(1):VE.000147	Introduction to probability models / Sheldon M. Ross	Academic press	2004	1
807	DT(10):TH.002220-6, TH.004572-4	Xác suất thống kê : (Dành cho sinh viên các trường kỹ thuật và công nghệ) / PGS.TS Tô Văn Ban	Giáo dục Việt Nam	2014	10
808	GT(20):GT.012580-99	Giáo trình toán kỹ thuật / Tô Bá Đức, Đào Lê Thu Thảo, Nguyễn Hữu Phát	Khoa học và kỹ Thuật	2008	20
809	DT(8):TH.001338-43, TH.004643-4	Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê toán học : Dành cho sinh viên các trường Kinh tế / Chủ biên: ThS Trần An Hải, ThS Nguyễn Văn An , NGƯT.TS Bùi Duy Phú	Giáo dục Việt Nam	2015	8
810	GT(30):GT.047608-37	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học : Giáo trình dành cho sinh viên các ngành nông, lâm, y, sinh, dược, thổ nhưỡng (nhóm NG.3) / Trần Lộc Hùng(Chủ biên), Phan Văn Danh, Trần Thị Diệu Trang	Giáo dục	1998	30
811	DT(12):TH.002930-41	Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê / Tống Đình Quỳnh.	Giáo dục	2001	12
812	GT(50):GT.022181-227, GT.022814-6	Hình học trực quan / Trần Đình Việ	Đại học Vinh	2015	50
813	GT(21):GT.006473-6, GT.006478-81, GT.006483-91, GT.006493-6	Giáo trình xác suất và thống kê ứng dụng / Bùi Công Cường, Bùi Minh Trí	Giao thông vận tải,	1997	21
814	GT(23):GT.039489-511	Xác suất thống kê / Đào Hữu Hồ.	Đại học Quốc gia Hà Nội	1996	23

815	DT(2):TH.004730-1; GT(15):GT.039287-301	Xác suất - thống kê / Đào Hữu Hồ	Giáo dục	1997	17
816	GT(52):GT.001928, GT.001931, GT.001934-6, GT.001943, GT.001948-9, GT.001955, GT.001959- 60, GT.001966, GT.001969, GT.001972-3, GT.001978, GT.001982, GT.001987-8, GT.001992- 3, GT.001995, GT.001997, GT.001999- 2000, GT.002004, GT.002006, GT.005783, GT.005785,	Giáo trình xác suất / Nguyễn Văn Quảng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	52
817	GT(12):GT.040209-20	Cơ sở toán rời rạc và ứng dụng / GS.TS Nguyễn Xuân Quỳnh	Giáo dục	1995	12
818	GT(10):GT.024972-9, GT.038098-9	Giáo trình Xác suất và thống kê : Dùng cho sinh viên các ngành Sinh học, Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Kinh tế và Quản lý kinh tế, Tâm lý - Giáo dục học / PGS.TS Phạm Văn Kiều	Giáo dục Việt Nam	2012	10
819	TL(2):TL.000189-90	Tuyển tập công trình khoa học của Trường Đông về xác suất thống kê - giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng = Proceedings of the winter school on probability and statistics - training, research and applications. / TS. Nguyễn Duy Tiến, TS. Nguyễn Văn Thu, TS. Đinh Quang Lưu...	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	2
820	GT(37):GT.002170-3, GT.002175, GT.002179- 80, GT.002184, GT.002187-91, GT.002197-8, GT.002207- 8, GT.002211-2, GT.002215, GT.002219, GT.002226, GT.002228-9, GT.002231-3, GT.002241- 2, GT.002245-6, GT.005827-9, GT.005831, GT.005833, GT.005836	Toán kinh tế : Dùng cho các ngành kinh tế, kỹ thuật / Trần Xuân Sinh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	37
821	GT(30):GT.040221-50	Toán kinh tế : (Dùng cho các ngành kinh tế, kỹ thuật) / Trần Xuân Sinh	Đại học Quốc gia	2008	30

822	DT(15):TH.000280-92, TH.002928-9	Bài tập xác suất : (Dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng) / Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục	2001	15
823	MN(1):MN.015546	"The" annals of probability : An official journal of the institute of mathematical statistics	Publishing Services Manager	2004	1
824	NN(1):NN.000730	Introduction to probability / Joseph K. Blitzstein, Jessica Hwang	CRC Press	2019	1
825	NN(1):NN.000726	Basic stochastic processes : A course through exercises / Zdzislaw Brzezniak, Tomasz Zastawniak	Springer	1998	1
826	DT(9):TH.001227-35	Các phương pháp diễn hình giải toán xác suất trung học phổ thông : Sách dùng cho học sinh khá giỏi, học sinh chuyên toán / Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Văn Lộc, ThS Hoàng Ngọc Cảnh,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	9
827	DT(1):TH.004722; GT(6):GT.040565-70	Hướng dẫn giải các bài toán xác suất - thống kê / Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	7
828	DT(20):TH.000546-59, TH.003129-32, TH.004579-80	Nhập môn hiện đại Xác suất và thống kê / Đỗ Đức Thái, Nguyễn Tiến Dũng	Đại học Sư phạm	2010	20
829	GT(2):GT.038734-5	Phương pháp monte-carlo và các vấn đề liên quan / X. M. Ermakov; Ng.d. Phạm Thế Ngọc, Nguyễn Trần Dũng	Khoa học và Kỹ thuật,	1977	2
830	NN(1):NN.000724	Probability: A graduate course / Allan Gut	Springer	2013	1
831	NN(3):NN.000847-9	Structual aspects in the theory of probability : Second enlarged edition / Herbert Heyer, Gyula Pap	World Scientific publishing	2010	3
832	MN(1):MN.020528	Applied statistics and probability for engineers : SI version / Douglas C. Montgomery, George C. Runger	John Wiley & Sons	2011	1
833	GT(48):GT.022124-48, GT.022150-71, GT.022173	Cơ sở xác suất hiện đại / Nguyễn Văn Quảng, Nguyễn Văn Huân	Đại học Vinh	2015	48
834	GT(39):GT.051103-41	Cơ sở xác suất hiện đại : Dùng cho sinh viên Đại học, học viên cao học / Nguyễn Văn Quảng, Nguyễn Văn Huân	Đại học Vinh	2023	39
835	GT(33):GT.009255-8, GT.009266, GT.009269, GT.009272-4, GT.009277- 80, GT.009287, GT.009290, GT.009292, GT.009303, GT.009309- 10, GT.009314-5, GT.009318, GT.009322, GT.009324-30, GT.009334, GT.009336, GT.009339	Giáo trình xác suất / Nguyễn Văn Quảng	Đại học Vinh	2008	33

836	GT(30):GT.039411-2, GT.040354-81	Xác suất nâng cao / Nguyễn Văn Quảng	Đại học Quốc gia	2008	30
837	GT(14):GT.005724-7, GT.005729, GT.005731-5, GT.005737-40	Các mô hình xác suất và ứng dụng : Phần 1: Giải tích ngẫu nhiên / Nguyễn Duy Tiến	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	14
838	GT(19):GT.005741-54, GT.005756-7, GT.040526- 8	Các mô hình xác suất và ứng dụng. Phần 2, Quá trình dừng và ứng dụng / Nguyễn Duy Tiến, Đặng Hùng Thắng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	19
839	DT(13):TH.000128-40	Lý thuyết xác suất / Nguyễn Duy Tiến, Vũ Viết Yên.	Giáo dục	2001	13
840	DT(25):TH.001724-48	Lý thuyết Xác suất và thống kê toán học / Phạm Văn Kiều.	Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học sư phạm	1996	25
841	DT(10):TH.004477-86	Bài tập lý thuyết xác suất / Vũ Viết Yên	Đại học sư phạm	2016	10
842	NN(1):NN.000732	Probability with martingales / David Williams	Cambridge university Press	1991	1
843	DT(19):TH.003337-55	Quá trình ngẫu nhiên và tính toán ngẫu nhiên / Đặng Hùng Thắng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	19
844	NN(5):NN.001297-301	A long-run collaboration on long-run games / Editors: Drew Fudenberg, David K Levine	World Scientific	2009	5
845	VE(1):VE.000222	Game theory for applied economists / Robert Gibbons	Princeton University Press	2003	1
846	VE(1):VE.001196	Introduction to probability theory and statistical inference / Harold J. Larson	John Wiley & Sons	2003	1
847	VE(1):VE.000887	Introduction to probability and statistics third edition : 3rd ed. / William Mendenhall	Duxbury press	2006	1
848	GT(11):GT.039097-107	Phương pháp số trong lý thuyết điều khiển tối ưu / Phạm Kỳ Anh.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	11
849	GT(19):GT.039860-78	Quy hoạch tuyến tính : Giáo trình hoàn chỉnh: Lý thuyết cơ bản, Phương pháp đơn hình, Bài toán mạng, Thuật toán điểm trong / GS.TSKH Phan Quốc Khánh, TS Trần Huệ Nương.	Giáo dục	2003	19
850	GT(30):GT.039956-85	Quy hoạch tuyến tính / Trần Xuân Sinh.	Đại học Sư phạm	2003	30
851	GT(29):GT.040016-44	Tối ưu hóa : Quy hoạch tuyến tính và rời rạc / Nguyễn Đức Nghĩa	Giáo dục	1996	29
852	GT(26):GT.037938-45, GT.040412-29	Giáo trình Tối ưu tuyến tính : (Dành cho sinh viên và học viên cao học) / Trần Vũ Thiệu.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2004	26
853	MN(15):MN.003528-40, MN.003542-3	Problems of computational mathematics and mathematical modelling.	Mir	2006	15
854	MN(3):MN.003550-2	Numerical methods in extremal problems / B.N. Pshenichni, Yu. M. Danilin.	Mir	2006	3
855	DT(10):TH.002257-63, TH.004581-3	Bài tập thống kê : Dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng / Đặng Hùng Thắng	Giáo dục Việt Nam	2010	10
856	MN(1):VE.000020	Statistical Methods for the Social sciences / Alan Agresti, Barbara Finlay	Prentice Hall	2007	1
857	MN(1):MN.015439	Statistics tutor: Tutorial and computational software for the behavioral sciences / Joseph D. Allen, David J. Pittenger	National textbook company	2004	1
858	VE(1):VE.000397	Essentials of statistics for business and economics / David R. Anderson, Dennis J. Sweeney, Thomas A. Williams	South-Western College Publishing	2003	1

859	VE(1):VE.000777	Statistics : Concepts and applications / David R. Anderson, Dennis J. Sweeney, Thomas A. Williams	West publishing company	2006	1
860	VE(1):VE.000735	Basic probability theory / Robert B. Ash	Sydney	2006	1
861	VE(1):VE.001007	Introductory statistics and probability / David W. Blakeslee,...[et al.]	Houghton Mifflin Company	2003	1
862	MN(2):MN.020315, MN.020433	Elementary statistics : A step by step approach / Allan G. Bluman	McGraw-Hill	2006	2
863	DT(9):TH.000560-8	Các phương pháp diễn hình Giải toán thống kê : Dành cho học sinh 10,11,12 (bồi dưỡng học sinh khá, giỏi, học sinh chuyên toán) / Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Văn Lộc, ThS Hoàng Ngọc Cảnh,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2009	9
864	VE(1):VE.001300	Preparation for basic statistics : A program for self - instruction / Virginia Clark, Michael E. Tarter	McGraw-Hill Book	2003	1
865	DT(11):TH.003274-84	Toán thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục và xã hội học / Đỗ Ngọc Đạt.	Đại học Sư phạm Hà Nội	1994	11
866	GT(13):GT.039808-20	Thống kê xã hội học : (Xác suất thống kê B) / Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	13
867	DT(19):TH.003012-27, TH.004688-90	Xử lý số liệu bằng thống kê toán học trên máy tính / Đào Hữu Hồ, Nguyễn Thị Hồng Minh.	Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	19
868	GT(21):GT.039586-606	Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng / Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục	1997	21
869	GT(8):GT.039554-5, GT.047590-5	Thống kê và ứng dụng : (Giáo trình dùng cho các Đại học và Cao đẳng) / Đặng Hùng Thắng	Giáo dục Việt Nam	2015	8
870	MN(1):MN.021115	Essentials of Business statistics / Bruce L. Bowerman,...[et al.]	McGraw-Hill	2012	1
871	VE(1):VE.000361	Instructor s manual for statistics / David Freedman, Robert Pisani, Roger Purves	Company	2003	1
872	VE(1):VE.000612	Modern elementary statistics / John E. Freund, Gary A. Simon	Prentice-Hall	2006	1
873	GT(2):GT.032719-20	Giáo trình Lý thuyết thống kê / Chủ biên: PGS.TS. Trần Thị Kim Thu	Đại học Kinh tế Quốc Dân	2012	2
874	GT(10):GT.035520-9	Giáo trình lý thuyết thống kê / Chủ biên: PGS.PTS Tô Phi Phượng, ...[và những người khác]	Giáo dục	1998	10
875	VE(1):VE.001272	Sudent solutions manual for probability and statistics for engineers and scientists / Anthony J. Hayter	Dover Publications	2003	1
876	VE(1):VE.000326	Fundamental statistics for the behavioral sciences / David C. Howell	Cole Publishing Company	2003	1
877	VE(1):VE.000519	Just the essentials of elementary statistics / Robert Johnson, Patricia Kuby	Thomson	2006	1
878	VE(1):VE.001037	Statistical reasoning and methods / Richard A. Johnson, Kam-Wah Tsui	John wiley	2003	1
879	VE(1):VE.000729	Mathematical methods in theoretical economics : Topological and vector space foundations of equilibrium analysis / Erwin Klein	Academic press	2006	1
880	VE(1):VE.001115	Elementary statistics : Picturing the world / Ron Larson, Betsy Farber	Prentice Hall	2003	1
881	MN(2):MN.020266-7	Statistical techniques in business & economics / Douglas A. Lind, William G. Marchal, Samuel A. Wathen	McGraw-Hill	2004	2
882	MN(1):MN.021137	Statistical techniques in business & economics / Douglas A. Lind, William G. Marchal, Samuel A. Wathen	McGraw-Hill	2012	1

883	MV(1):MN.020569	Introductory statistics : International student version / Prem S. Mann, Christopher Jay Lacke	John Wiley	2011	1
884	MN(1):MN.021251	Statistics / Sandra McCune	McGraw-Hill	2010	1
885	VE(1):VE.001013	Statistics / James T. McClave, Terry Sincich	Dellen	2003	1
886	MN(1):VE.000099	Statistics / James T. McClave, Frank H. Dietrich II	Dellen	2003	1
887	VE(2):VE.000057, VE.000783	Introduction to the practice of statistics / David S. Moore, George P. McCabe	W. H. Freeman and Company	2004	2
888	GT(75):GT.016962-6, GT.016988-98, GT.017002, GT.017004-5, GT.017008-11, GT.017016-29, GT.017051, GT.038585- 617, GT.039209-12	Xác suất trên không gian Banach / Nguyễn Văn Quảng	Đại học Quốc gia	2012	75
889	GT(19):GT.005758-62, GT.005764-6, GT.005768- 74, GT.040529-32	Các mô hình xác suất và ứng dụng. Phần 3, Giải tích ngẫu nhiên / Nguyễn Duy Tiến	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	19
890	NN(1):NN.000731	An introduction to statistical methods & data analysis / R. Lyman Ott, Micheal Longnecker	Cengage learning	2019	1
891	VE(1):VE.001018	Elementary statistics : From discovery to decision / Marilyn K. Pelosi, Theresa M S.andifer	John wiley & sons	2003	1
892	VE(1):VE.000990	Fundamentals of behavioral statistics / Richard P. Runyon, Kay A. Coleman, David J. Pittenger	McGraw Hill	2003	1
893	VE(1):VE.001278	Statistics by example / Terry Sincich	Macmillan publishing company	2003	1
894	VE(1):VE.001144	Schaum's outline of theory and problems of statistics / Murray R. Spiegel	McGraw-Hill	2003	1
895	GT(37):GT.039516-7, GT.040132-66	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học : Giáo trình dùng cho sinh viên các ngành Toán, Toán - Tin, Công nghệ Thông tin, Vật lí, Hoá học và Địa chất / PTS Trần Lộc Hùng.	Giáo dục	1998	37
896	MN(1):MN.000435	Behavioral Statistics in Action / Mark Vernoy, Diana Kyle	McGraw-Hill	2004	1
897	VE(1):VE.000289	Introduction to statistics / Ronald E. Walpole	Macmillan Publishing	2003	1
898	GT(12):GT.038618-29	Thống kê và ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng / Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục	1999	12
899	DT(10):TH.001461-70	Bài tập Tối ưu hóa / PGS.TS Bùi Minh Trí	Khoa học và kỹ Thuật	2008	10
900	GT(18):GT.018905-22	Giáo trình lý thuyết tối ưu	Đại học Cần Thơ	2013	18
901	VE(1):VE.001321	Cost and optimization engineering / Frederic C. Jelen, James H. Black	McGraw-Hill Book Company	2003	1
902	VE(1):VE.000504	Foundations of optimization / Douglass J. Wilde, Charles S. Beightler	Prentice-Hall	2006	1

903	GT(10):GT.023023-30, GT.039552-3	Quy hoạch tuyến tính / Phí Mạnh Ban	Đại học Sư phạm	2015	10
904	MN(3):MN.019449-50, MN.019646	Modèles physiques et méthodes de la théorie de l'équilibre en programmation et en économie / B. Razoumikhine	Éditions mir	2006	3
905	DT(24):TH.001905-28	Toán kinh tế : Phần: Quy hoạch tuyến tính / Nguyễn Thành Cà.	Đại học Kinh tế Thành phố Tp. Hồ Chí Minh	2004	24
906	DT(10):TH.002795-800, TH.004539-41, TH.004713	Quy hoạch tuyến tính với phương pháp nón xoay / Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Văn Quý	Giáo dục Việt Nam	2012	10
907	DT(11):TH.001352-62	Bài tập quy hoạch tuyến tính / Phí Mạnh Ban.	Đại học Sư phạm	2004	11
908	DT(10):TH.001344-51, TH.002288-9	Bài tập quy hoạch tuyến tính / Phí Mạnh Ban	Đại học Sư phạm	2014	10
909	VE(8):VE.000856, VE.001219, VE.001301-6	Bulletin of mathematical biology : A journal devoted to research at the junction of computational, theoretical and experimental biology	Academic press	2006	8
910	VE(2):VE.001313-4	Bulletin of mathematical biology : A journal devoted to research at the junction of computational, theoretical and experimental biology	Elsevier	2006	2
911	GT(3):GT.023688-90	Giáo trình Toán cho Vật lý : Giáo trình dùng cho sinh viên sư phạm vật lý. Lưu hành nội bộ / Đinh Xuân Khoa, Nguyễn Huy Bằng	Nxb Hà Nội	2013	3
912	VE(1):VE.000881	Undergraduate econometrics / Carter R. Hill, William E. Griffiths, George G. Judge	John Wiley & son	2006	1
913	VE(1):VE.000832	Mathematical methods in chemical engineering / V.G. Jenson, G. V. Jeffreys	Academic press	2006	1
914	VE(1):VE.000493	Applied multivariate statistical analysis / Richard A. Johnson, Dean W. Wichern	[s.n.]	2006	1
915	VE(1):VE.001027	Mathematical foundations of information theory / A. I. Khinchin; Translator: R. A. Silverman, M. D. Friedman	Dover publications	2003	1
916	VE(1):VE.001032	Discrete computational structures / Robert R. Korfhage	Academic press	2003	1
917	VE(1):VE.001235	Advanced engineering mathematics / Erwin Kreyszig	John Wiley and Sons	2003	1
918	VE(1):VE.001148	Digital computation for chemical engineers / Leon Lapidus	McGraw-Hill book company	2007	1
919	DT(10):TH.004752-61	Phương pháp toán ứng dụng trong môi trường / Phan, Văn Hạp	Khoa học và kỹ Thuật	2009	10
920	DT(2):TH.004728-9	Hình học sơ cấp. Tập 1 / B. I. Ácgunôp, M. B. Ban; Người dịch: Nguyễn Văn Bằng, Lê Đình Phi	Giáo dục	1977	2
921	DT(30):TH.003979-4008	Bài tập hình học Afin và hình học Óclit / Nguyễn Duy Bình...[và những người khác]	Giáo dục	1999	30
922	DT(3):TH.001477-9	720 câu hỏi bài tập Hình học - lượng giác : Luyện thi tốt nghiệp THPT, Đại học & Cao đẳng / Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Văn Lộc, Trần Quang Tài,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2009	3
923	DT(9):TH.001259-67	450 bài tập trắc nghiệm hình học : Có lời giải và đáp án. Dùng cho học sinh 12 ôn thi tốt nghiệp THPT và các kì thi quốc gia / Bùi Ngọc Anh	Đại học Quốc gia	2008	9

924	DT(9):TH.002119-27	229 bài toán trắc nghiệm hình học 10 : Ban cơ bản. (Có lời giải và đáp án) / Bùi Ngọc Anh	Đại học Sư phạm	2007	9
925	DT(9):TH.001604-12	Các dạng bài tập và phương pháp giải trắc nghiệm - tự luận Hình học 12 : Chương trình nâng cao. Kiến thức cần nhớ. Các dạng bài tập cơ bản và nâng cao. Bài tập tự luyện. Câu hỏi trắc nghiệm. Đáp số và hướng dẫn giải. / Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Văn Lộc, Hoàng Ngọc Đức,...[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	9
926	VE(1):VE.001165	Topology / James Dugundji	Allyn and bacon	2003	1
927	DT(10):TH.001585-94	Các dạng câu hỏi bài tập trắc nghiệm Toán hình học 12 / PGS.TS Đậu Thế Cấp, Trần Minh Quới, Nguyễn Văn Quí	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	10
928	DT(3):TH.001553-5	Tuyển chọn 400 bài tập Toán 11 Hình học : Dùng cho chương trình phân ban. Bồi dưỡng học sinh giỏi. Ôn luyện thi đại học và cao đẳng / PGS.TS Đậu Thế Cấp, Nguyễn Văn Quí, Nguyễn Hoàng Khanh	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2007	3
929	DT(11):TH.001172-81, TH.003202	Tuyển chọn 400 bài tập toán 12 : Bồi dưỡng cho học sinh khá, giỏi hình học. Biên soạn theo phương pháp tự luận và trắc nghiệm / Đậu Thế Cấp, Nguyễn Văn Quý, Trần Minh Quới	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	11
930	DT(6):TH.001020-5	Tuyển tập các bài toán hay và khó hình học 12 : Tự luận và trắc nghiệm / PGS.TS Đậu Thế Cấp, Trần Minh Quới, Nguyễn Văn Quí	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2008	6
931	DT(1):TH.003198; GT(26):GT.038738-51, GT.040448-59	Phương pháp dạy học hình học ở trường trung học phổ thông / Đào Tam.	Đại học Sư phạm	2004	27
932		Những bài toán chọn lọc cho trường chuyên- lớp chọn : Tập 2, Hình học : Sách dùng cho các trường PTCS / PTS Đỗ Đức Thái.	Hà Nội	1993	18
933	VE(1):VE.000704	Engineering graphics / Frederick E. Giesecke, Alva Mitchell, Henry Cecil Spencer, Ivan Leroy Hill, Robert Olin Loving	Collier-Macmillan	2006	1
934	VE(1):VE.000250	Calculus with analytic geometry / Harley Flanders, Justin J. Price	Academic press	2004	1
935	DT(14):TH.004062-74, TH.004794	Phép qui nạp trong hình học / L.I Golovina, I.M. Yaglom; Người dịch: Khổng Xuân Hiền.	Giáo dục	1997	14
936	MN(3):MN.003688-90	Worked problems in descriptive geometry / V. O. Gordon.	Mir	2006	3
937	VE(1):VE.000138	The thirteen books of euclid's elements : Vol.2. Books: III-IX / Thomas L. Heath	Dover publications	2004	1
938	DT(1):TH.004503	Hình học 10 / Trần Văn Hạo(Tổng chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2019	1
939	DT(1):TH.004504	Hình học 11 / Trần Văn Hạo(Tổng chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2019	1
940	DT(1):TH.004507	Hình học 12 / Trần Văn Hạo(Tổng chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục Việt Nam	2019	1
941	VE(1):VE.000705	Engineering drawing and geometry / Randolph P. Hoelscher, Clifford H. Springer	John Wiley & Sons	2006	1
942	VE(1):VE.000432	Elemnts of general topology / Sze - Tsen Hu	Holden-Day	2006	1
943	DT(11):TH.003937-47	Định lí hình học và các phương pháp chứng minh / Hứa Thuần Phong.	Giáo dục	1994	11
944	DT(17):TH.002007-23	Quy tích : (Những bài toán mẫu và cách chứng minh) / Hứa Thuần Phong; Ng.d.: Lý Bình Phúc.	Giáo dục	1994	17
945	MN(1):MN.014607	Problèmes de géometrie analytique / D. Klétenik	Éditions mir	2006	1

946	VE(1):VE.001185	School mathematics study group. Studies in mathematics : Vol.4: Geometry / V. Kutuzov	School Mathematics study group	2006	1
947	GT(30):GT.039556-85	Lí thuyết liên thông và hình học Riemann : (Giáo trình sau Đại học) / Khu Quốc Anh, Nguyễn Đoãn Tuấn	Đại học Sư phạm	2005	30
948	VE(1):VE.000297	Descriptive geometry / Louis Gary Lamit	Prentice-Hall	2003	1
949	GT(7):GT.038630-6	Án sau định lí Ptôlômê / Lê Quốc Hán	Giáo dục	2006	7
950	VE(1):VE.000985	The fractal geometry of nature / Benoit B. Mandelbrot	W. H. Freeman and company	2006	1
951	MN(1):MN.018193	Mathématique moderne : T. 6	Marcel didier	2006	1
952	VE(1):VE.000923	Elements of the topology of plane sets of points / M. H. A. Newman	Cambridge at the university press	2003	1
953	DT(13):TH.000806-18	231 bài toán lượng giác chọn lọc : Dùng cho học sinh lớp 10 - 11 - 12 chuyên toán, luyện thi vào đại học / Nguyễn Ngọc Anh, Trịnh Bằng Giang.	Đồng Nai	1997	13
954	GT(80):GT.049239-318	Giáo trình hình học tuyến tính / Nguyễn Duy Bình (chủ biên), Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Hữu Quang	Đại học Vinh	2022	80
955	TL(1):TL.000396	Một số vấn đề về tôpô và hình học trên đa tạp khả vi / Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Duy Bình; Cộng tác viên: TS. Nguyễn Hữu Quang...[và những người khác]	Đại học Vinh		1
956	DT(18):TH.000907-24	Phương pháp giải toán hình học 12 : (Tự luận và trắc nghiệm) Ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông / TS Nguyễn Cam, ThS Nguyễn Văn Phước	Đại học Sư phạm	2008	18
957	DT(16):TH.002469-84	Tuyển chọn 400 bài tập hình học 11 : Tự luận và trắc nghiệm / Chủ biên: TS Nguyễn Cam, ThS Nguyễn Văn Phước, ThS Nguyễn Hoàng Nguyên	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	16
958	DT(21):TH.001032-52	Bài tập hình học hoạ hình / Chủ biên: Nguyễn Quang Cự, Nguyễn Mạnh Dũng, Vũ Hoàng Thái.	Giáo dục	2001	21
959	DT(3):TH.002879-81	Ôn luyện giải toán hình học bằng phương pháp Vector / PGS.TS Nguyễn Gia Cốc.	Đà Nẵng	1996	3
960	DT(20):TH.000501-18, TH.004719-20	Các phép biến hình trong mặt phẳng / Nguyễn Mộng Hy.	Giáo dục	1997	20
961	DT(8):TH.002414-21	Các bài toán điển hình hình học 11 : Chương trình nâng cao và cơ bản / Nguyễn Thị Hương	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	8
962	DT(2):TH.000885-6	Bài tập hình học 12 / Nguyễn Mộng Hy (Chủ biên), ...[và những người khác]	Giáo dục	2008	2
963	DT(4):TH.002831-3, TH.004723	Bài tập hình học cao cấp / Nguyễn Mộng Hy	Giáo dục	2009	4
964	DT(9):TH.000759-67	Các dạng bài tập và phương pháp giải trắc nghiệm - tự luận hình học 12 chương trình chuẩn : Kiến thức cần nhớ. Các dạng bài tập cơ bản và nâng cao. Bài tập tự luyện. Câu hỏi trắc nghiệm. Đáp số và hướng dẫn giải / Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Văn Lộc, Trần Quang Tài, Lê Ngọc Hải	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	9

965	DT(2):TH.004060-1	Toán nâng cao tự luận và trắc nghiệm hình học 10 : Ban Khoa học Tự nhiên / Nguyễn Văn Lộc	Đại học Sư phạm	2006	2
966	DT(4):TH.002406-7, TH.003204-5	Phương pháp giải các dạng toán hình học 11 : Bài tập căn bản - mở rộng - trắc nghiệm / ThS Nguyễn Văn Nho	Đại học Sư phạm	2007	4
967	GT(79):GT.028215-29, GT.028231-94	Giáo trình hình học họa hình : Dùng cho sinh viên các ngành kỹ thuật / TS Nguyễn Sỹ Quế, ThS Nguyễn Thị Kiều Vinh	Đại học Vinh	2018	79
968	GT(80):GT.026836-915	Giáo trình hình học sơ cấp và lịch sử toán / Nguyễn Chiến Thắng, Đào Tam	Đại học Vinh	2017	80
969	GT(20):GT.023031-46, GT.039205-8	Hình học họa hình / TS. Nguyễn Kim Thành	Đại học Sư phạm	2014	20
970	DT(30):TH.001875-904	Hình học AFin và hình học Oclit trên những ví dụ và bài tập / Phạm Khắc Ban, Phạm Bình Đô	Đại học Sư phạm	2015	30
971	DT(2):TH.002205-6	Câu hỏi trắc nghiệm hình học 12 / Phan Lưu Biên, Trần Thành Minh, Trần Quang Nghĩa.	Giáo dục	2003	2
972	DT(2):TH.001512-3	Các phương pháp giải toán sơ cấp - Hình học 12 / Phan Huy Khải, Nguyễn Đạo Phương.	Hà Nội	2001	2
973	DT(2):TH.004084-5	Các phương pháp giải toán sơ cấp : Hình học 10 / Phan Huy Khải, Nguyễn Đạo Phương.	Hà Nội	2001	2
974	DT(4):TH.003975-8	Các bài toán chọn lọc về hệ thức lượng trong tam giác và tứ giác : Sách bồi dưỡng học sinh giỏi toán / Phan Huy Khải, Nguyễn Đạo Phương	Giáo dục	1994	4
975	DT(11):TH.000787-97	10.000 bài toán sơ cấp bất đẳng thức : (Bất đẳng thức trong các bài toán hình học) / Phan Huy Khải.	Hà Nội	2001	11
976	DT(2):TH.000768-9	10.000 bài toán sơ cấp bất đẳng thức. Phần 1, Bất đẳng thức kinh điển / Phan Huy Khải	Hà Nội	2001	2
977	DT(10):TH.003222-31	Bài tập trắc nghiệm hình học 11 / Phan Hoàng Ngân	Đại học Sư phạm	2007	10
978	DT(19):TH.001063-81	Phương pháp giải các bài toán hình học họa hình / Phạm Văn Nhuận	Khoa học kỹ thuật	2006	19
979	DT(13):TH.001436-48	Bồi dưỡng Hình học 12 : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT và các kì thi quốc gia / Phạm Quốc Phong	Đại học Quốc gia	2008	13
980	DT(3):TH.003948-50	Ôn tập toán hệ thức lượng trong tam giác : Tự luận và trắc nghiệm: Bồi dưỡng học sinh khá và giỏi THPT. Luyện Thi Đại học và Cao đẳng / Phạm Trọng Thư	Đại học Sư phạm	2007	3
981	DT(11):TH.000990-1000	Toán bồi dưỡng học sinh 12 : Hình học / Hàn Liên Hải, ...[và những người khác]	Hà Nội	1996	11
982	DT(1):TH.004806	Toán học cao cấp : Dùng cho sinh viên tại chức các trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp / Trần Tuấn Điệp, Đinh Bạt Thâm	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1987	1
983	DT(9):TH.003811-4, TH.004695-9	Các chuyên đề môn toán. T.3, Đại số : (Sách dùng cho học sinh khá, giỏi cấp 2) / Trương Công Thành, Nguyễn Hữu Thảo.	Giáo dục	1999	9
984	DT(4):TH.003247-50	Lịch sử hình học / Văn Như Cương.	Khoa học và kỹ Thuật	1977	4
985	GT(16):GT.039643-56, GT.039943-4	Hình học AFin và hình học Oclit / Văn Như Cương, Tạ Mân	Đại học Quốc gia Hà Nội	1998	16

986	DT(10):TH.002694-703	Phép dời hình trong mặt phẳng lớp 11 : Ban khoa học tự nhiên.Luyện thi vào Đại học, Cao đẳng và THCN; Thi Olympic Quốc gia (Tự luận & trắc nghiệm) / Võ Đại Mau	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	10
987	GT(80):GT.050763-842	Fractal geometry : (Used for high-quality bachelor training) / Vũ Thị Hồng Thanh(chủ biên), PGS.TS Nguyễn Văn Đức	Đại học Vinh	2023	80
988	DT(6):TH.002440-5	255 bài toán hình học chọn lọc : Sửa chữa và bổ sung bộ sách 400 bài toán chọn lọc đã xuất bản / Vũ Dương Thụy, Trương Công Thành, Nguyễn Ngọc Đạm.	Hà Tây	1993	6
989	DT(15):TH.000533-45, TH.002926-7	Chuyên đề ứng dụng góc lượng giác và công thức lượng giác trong giải toán trung học phổ thông / Chủ biên: Võ Thành Văn, TS Lê Ngọc Sơn, Nguyễn Ngọc Thủy	Đại học Sư phạm	2010	15
990	VE(1):VE.000866	Descriptive geometry / Earle F. Watts, John T. Rule	Prentice-Hall	2006	1
991	VE(1):VE.000259	College plane geometry / Edwin M. Hemmerling	John wiley & sons	2003	1
992	DT(1):TH.003736	Thiết kế bài giảng hình học 11 nâng cao. Tập 1 / Trần Vinh	Hà Nội	2007	1
993	DT(2):TH.003123-4	Thiết kế bài giảng hình học 11. Tập 1 / Trần Vinh	Hà Nội	2007	2
994	DT(5):TH.003753-7	Thiết kế bài giảng hình học 12. T.1 / Trần Vinh	Hà Nội	2008	5
995	DT(4):TH.003765-8	Thiết kế bài giảng hình học 12. T.1, Nâng cao / Trần Vinh	Hà Nội	2008	4
996	DT(1):TH.003787	Thiết kế bài giảng hình học 10 nâng cao. T.1 / Trần Vinh	Đại học Sư phạm	2009	1
997	DT(1):TH.003748	Thiết kế bài giảng hình học 10 nâng cao :. T.2 / Trần Vinh	Hà Nội	2006	1
998	DT(2):TH.003125-6	Thiết kế bài giảng hình học 11 :. Tập 2 / Trần Vinh	Hà Nội	2007	2
999	DT(2):TH.003737-8	Thiết kế bài giảng hình học 11 nâng cao. Tập 2 / Trần Vinh	Hà Nội	2007	2
1000	DT(7):TH.003758-64	Thiết kế bài giảng hình học 12. T.2 / Trần Vinh	Hà Nội	2008	7
1001	DT(4):TH.003769-72	Thiết kế bài giảng hình học 12. T.2, Nâng cao / Trần Vinh	Hà Nội	2009	4
1002	GT(1):GT.025834	Giáo trình cơ sở hình học và hình học sơ cấp / Trương Đức Hình, Đào Tam	Giáo dục	1995	1
1003	GT(26):GT.037809, GT.037867-91	Giáo trình hình học sơ cấp / Đào Tam.	Đại học Vinh	2004	26
1004	GT(10):GT.037533-6, GT.047602-7	Giáo trình Hình học sơ cấp / Đào Tam	Đại học Sư phạm	2005	10
1005	GT(18):GT.018850-9, GT.018861-5, GT.018867, GT.038105-6	Giáo trình Cơ sở hình học và hình học sơ cấp / Chủ biên: Đỗ Đức Thái, Phạm Việt Đức, Phạm Hoàng Hà	Đại học Cần Thơ	2013	18
1006	GT(5):GT.036697-701	Giáo trình toán. Tập 7, Hình học : Giáo trình và 400 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Ng.d.: Nguyễn Chi.	Giáo dục	2001	5
1007	GT(1):GT.051397	Giáo trình toán. Tập 7, Hình học : Giáo trình và 400 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Người dịch, Nguyễn Chi; Hiệu đính: Nguyễn Văn Thường	Giáo Dục	1999	1
1008	GT(47):GT.007112-28, GT.040720-49	Giáo trình toán :. Tập 7, Hình học: Giáo trình và 400 bài tập có lời giải / Jean Marie Monier; Người dịch, Nguyễn Chi	Giáo dục	2006	47

1009	GT(30):GT.039004-33	Hình học họa hình. T.1, Phương pháp hai hình chiếu thẳng góc. Phương pháp hình chiếu trục đo. / Nguyễn Đình Điện(Chủ biên), Đỗ Mạnh Môn.	Giáo dục	2001	30
1010	GT(34):GT.039034-63, GT.040444-7	Hình học họa hình. T.2, Hình chiếu phối cảnh hình chiếu có số bóng trên các hình chiếu : (Đã được hội đồng môn học của bộ giáo dục và đào tạo thông qua dùng làm tài liệu giảng dạy trong các trường đại học kỹ thuật) / Nguyễn Đình Điện, Dương Tiến Thọ, Nguyễn Văn Tuấn	Giáo dục	2000	34
1011	GT(3):GT.039094-6	Hình học sơ cấp : (Giáo trình dành cho hệ Đại học tại chức đào tạo giáo viên Tiểu học) / Nguyễn Văn Đoành, Nguyễn Văn Khuê.	Đại học Sư phạm Hà Nội	1994	3
1012	GT(15):GT.006499-503, GT.006505, GT.006507-11, GT.006513, GT.006516-8	Hình học cao cấp / Nguyễn Mộng Hy	Giáo dục	2003	15
1013	DT(10):TH.000038-44, TH.002910-2	Dựng hình : Ví dụ và bài tập / Hứa Thuần Phòng; Ng.d.: Phạm Hồng Tuất	Giáo dục	1994	10
1014	DT(1):TH.004727; GT(9):GT.040533-41	Phương pháp giải toán hình học. Tập 4: Sử dụng phương pháp tọa độ trong không gian giải các bài toán hình học không gian / Lê Hồng Đức (Chủ biên), Đào Thiện Khải, Lê Bích Ngọc.	Đại học Sư phạm	2004	10
1015	DT(5):TH.003847-51	Phương pháp giải toán hình học. T.2, Bề mặt conic / Lê Hồng Đức, Đào Thiện Khải, Lê Bích Ngọc	Đại học Sư phạm	2004	5
1016	DT(1):TH.003195	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Trung học phổ thông : Bất đẳng thức hình học / TSKH Vũ Đình Hoà	Giáo dục	2006	1
1017	GT(10):GT.042497-506	Cơ sở phương pháp xây dựng bề mặt và ứng dụng / Bùi Quý Lực	Khoa học kỹ thuật	2018	10
1018	DT(4):TH.000826-9	Hình học Vec tơ / Nguyễn Thúc Hào.	Giáo dục	1992	4
1019	NN(4):NN.001088-91	Computing in Euclidean geometry. Vol. 4 : Lecture notes series on computing / Edited by Ding-Zhu Du, Frank Hwang	World Scientific	1995	4
1020	DT(10):TH.004302-11	Bài tập hình học afin và hình học oclit / Hà Trâm	Đại học sư phạm	2014	10
1021	DT(17):TH.001001-17	Số phức với hình học phẳng / Đoàn Quỳnh.	Giáo dục	1997	17
1022	DT(9):TH.002942-7, TH.004700-2	Các bài toán về hình học phẳng :. T.1 : (Gồm 2 tập). Dùng cho học sinh khá và các lớp chuyên, chọn. Là tài liệu tham khảo cho các thầy giáo và sinh viên khoa toán bậc cao đẳng và Đại học. Có nhiều đề thi chọn lọc quốc gia và quốc tế / V. V. Praxolov; Ng.d. Hoàng Đức Chính, Nguyễn Đê; Ng.h.d. Nguyễn Việt Hải.	Hải Phòng	1994	9
1023	DT(9):TH.002948-55, TH.004711	Các bài toán về hình học phẳng :. T.2 : (Gồm 2 tập) / V. V Praxolov; Ng.d. Hoàng Đức Chính, Nguyễn Đê.	Hải Phòng	1994	9
1024	DT(5):TH.003103-7	Giải đề thi đại học : Chuyên đề hình học không gian / Lê Quang Ánh, ...[và những người khác]	Tp. Hồ Chí Minh	1996	5
1025	MN(1):MN.020511	Modern trigonometry: Analysis and applications : International student version / Raymond A. Barnett, ...[et al.]	John Wiley & Sons	2009	1

1026	DT(3):TH.001561-3	Phương pháp và bài giải 27 chủ đề Toán hình không gian : Dành cho học sinh lớp 11 - 12, ôn thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh vào Đại học - Cao đẳng. Toán nâng cao dành cho chương trình phân ban / Trần Minh Quang	Đại học Quốc gia Hà Nội	2010	3
1027	VE(1):VE.000926	Plane trigonometry / E. Richard Heineman	McGraw-Hill Book Company	2006	1
1028	DT(2):TH.002846-7	Các dạng toán điển hình phương trình hệ phương trình lượng giác : Ôn thi đại học / Huỳnh Công Thái	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	2
1029	DT(10):TH.001564-73	Học và ôn tập Toán Lượng giác 11 : Biên soạn theo SGK mới của Bộ giáo dục và đào tạo. Dùng cho học sinh ban A và luyện thi đại học / Chủ biên: Lê Bích Ngọc, Lê Hồng Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	10
1030	DT(9):TH.001201-9	Phương pháp giải toán lượng giác 12 : Tài liệu tham khảo dùng cho học sinh ôn thi tú tài và các kì thi Quốc gia / Nguyễn Cam	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	9
1031	DT(14):TH.000675-88	Phương pháp giải toán Lượng giác : Luyện thi tú tài và đại học bồi dưỡng học sinh giỏi / Nguyễn Đức Đồng, Lê Hoàn Hoá, Võ Khắc Thường....[và những người khác]	Đại học Quốc gia Hà Nội	1999	14
1032	DT(19):TH.001929-47	Câu hỏi trắc nghiệm lượng giác / Phan Lưu Biên, Trần Thành Minh, Trần Quang Nghĩa.	Giáo dục	2003	19
1033	DT(11):TH.003356-66	Tuyển chọn các bài toán lượng giác : T.1, Đẳng thức lượng giác. Bất đẳng thức lượng giác. Phương trình và bất phương trình lượng giác chứa hàm số / GS Phan Huy Khải.	Giáo dục	1996	11
1034	DT(13):TH.003367-79	Tuyển chọn các bài toán lượng giác : T.2, Đẳng thức lượng giác trong hình học. Bất đẳng thức lượng giác trong hình học. Phương trình và bất phương trình lượng giác không mẫu mực / Phan Huy Khải.	Giáo dục	1997	13
1035	DT(1):TH.004724	Toán nâng cao lượng giác THPT. Phần ba : Sách dùng cho giáo viên và phụ huynh học sinh khá, giỏi lớp 11, ôn thi Đại học, Cao đẳng / Phan Huy Khải	Hà Nội	2001	1
1036	DT(6):TH.001449-54	Toán nâng cao lượng giác phần biến đổi lượng giác : Tự luận và trắc nghiệm. Bồi dưỡng học sinh khá giỏi lớp 10, 11,12. Luyện thi tốt nghiệp trung học phổ thông / Phạm Trọng Thư	Đại học Sư phạm	2008	6
1037	DT(9):TH.001246-9, TH.002647-51	Tuyển tập các bài toán hệ thức lượng trong tam giác : Trong các đề thi tuyển sinh Đại học và Cao đẳng từ năm 1970 đến năm 2006 / ThS Võ Giang Giai	Đại học Sư phạm	2007	9
1038	DT(5):TH.003662-6	Đại số tuyến tính và hình học. Tập I, Hình học giải tích : Sách dùng chung cho các trường Đại học Sư phạm / Đoàn Quỳnh (Chủ biên), Văn Như Cương, Hoàng Xuân Sính.	Giáo dục	1987	5
1039	DT(25):TH.000197-221	Cơ sở lý thuyết hàm hình học / Đỗ Đức Hải	Đại học Sư Phạm	2003	25
1040	MN(2):MN.015201-2	Geometry : Integration applications connections	McGraw-Hill	2006	2
1041	MN(1):MN.015200	Geometry : An integrated approach	NTC.	2006	1
1042	MN(2):MN.015198-9	Health : A guide to wellness	McGraw-Hill	2006	2

1043	VE(1):VE.000691	Calculus with analytic geometry : with supplementary exercise / Richard E. Johnson, Fred L. Kiokemeister	Allyn and Bacon	2006	1
1044	DT(10):TH.004487-96	Lí thuyết liên thông và hình học riemann / Khu Quốc Anh, Nguyễn Doãn Tuấn	Đại học sư phạm	2015	10
1045	DT(5):TH.000902-6	Hình giải tích trong không gian 12 : Bài tập tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	5
1046	DT(3):TH.001082-4	Hình giải tích trong mặt phẳng 12 : Bài tập tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	3
1047	DT(9):TH.001595-603	Hình giải tích trong không gian 12 : Bài tập tự luận và trắc nghiệm / Lê Hồng Đức, Lê Bích Ngọc	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	9
1048	DT(2):TH.002286-7	Phương pháp giải toán hình học giải tích trong mặt phẳng / Lê Hồng Đức, Lê Hữu Trí	Hà Nội	2006	2
1049	DT(8):TH.001514-21	Tuyển tập 500 bài toán hình giải tích chọn lọc : Phân loại và phương pháp giải theo 9 chuyên đề. Bồi dưỡng nâng cao môn toán 12; Chuẩn bị thi tú tài và các kỳ thi quốc gia / Chủ biên: Nguyễn Đức Đồng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	8
1050	DT(7):TH.000819-25	Hình học giải tích : Toán nâng cao cho lớp 12 / GS Nguyễn Đạo Phương, GS Phan Huy Khải.	Khoa học và kỹ Thuật	1996	7
1051	GT(32):GT.039108-37, GT.039952-3	Hình học vi phân / Nguyễn Hữu Quang, Ngô Đình Quốc, Nguyễn Văn Bông	Đại học Quốc gia	2008	32
1052	GT(38):GT.038533-42, GT.039177-204	Hình học giải tích : Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Toán ở các trường Đại học Sư phạm / Nguyễn Hữu Quang, Hà Văn Sơn.	Giáo dục	1999	38
1053	VE(1):VE.000997	College calculus with analytic geometry / Murray H. Protter, Charles B. Morrey	Addison wesley publishing company	2003	1
1054	VE(1):VE.000758	Analytic geometry and calculus / LLOYD L. Small	Appleton - Century - Crofts	2006	1
1055	VE(1):VE.000915	Vector analysis and an introduction to tensor analysis / Murray R. Spiegel	McGraw-Hill	2006	1
1056	VE(1):VE.000368	Lectures on differential geometry / Shlomo Sternberg	Prentice-Hall	2003	1
1057	VE(1):VE.000830	Calculus and analytic geometry : Part two: Vectors and functions of several variables / George B. Thomas	Addison-Wesley publishing company	2006	1
1058	VE(1):VE.000642	Calculus and analytic geometry / G. B. Thomas	Addison-Wesley publishing	2006	1
1059	DT(7):TH.001092-8	450 bài toán trắc nghiệm và tự luận hình học giải tích : Dùng cho học sinh 12 ôn thi tốt nghiệp THPT và các kì thi quốc gia / Trần Minh Quang	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	7
1060	VE(1):VE.000919	An introduction to differential geometry / T. J. Willmore	Clarendon press	2006	1
1061	GT(50):GT.038353-402	Diệp (Chủ biên),...[và những người khác]	Đại học Vinh	2020	50
1062	GT(30):GT.040270-99	Hình học vi phân / Đoàn Quỳnh.	Giáo dục	2001	30
1063	GT(30):GT.032941-50, GT.033822-41	Hình học vi phân / Đoàn Quỳnh	Đại học Sư phạm	2017	30
1064	GT(10):GT.040770-9	Đa tạp khả vi / Nguyễn Văn Đoàn	Đại học Sư phạm	2015	10
1065	GT(10):GT.032731-40	Giáo trình Hình học vi phân / Nguyễn Doãn Tuấn(Chủ biên), Sĩ Đức Quang, Nguyễn Thị Thảo	Đại học Sư phạm	2017	10

1066	NN(1):NN.000734	Elementary differential geometry / Barrett O'Neill	Elsevier	2006	1
1067	DT(4):TH.000094-7	Bài tập Hình học vi phân / Chủ biên: Đoàn Quỳnh, Trần Đình Viện, Trương Đức Hình,...[và những người khác]	Giáo dục	1993	4
1068	DT(22):TH.000943-5, TH.002960-78	Bài tập hình học xạ ảnh / Phạm Bình Đô.	Đại học Sư phạm	2003	22
1069	DT(10):TH.004412-21	Lí thuyết phân bố giá trị đối với đường cong nguyên trong không gian xạ ảnh : (Sách chuyên khảo phục vụ nghiên cứu và đào tạo sau đại học) / Trần Văn Tấn	Đại học sư phạm	2017	10
1070	GT(10):GT.032951-60	Hình học xạ ảnh / Văn Như Cương	Đại học Sư phạm	2015	10
1071	GT(28):GT.039344-5, GT.040076-101	Hình học xạ ảnh / Văn Như Cương.	Giáo dục	1999	28
1072	DT(10):XD.004037-46	Hình học họa hình : Phương pháp hình chiếu thẳng góc / Đào Tiệp(Chủ biên), ...[và những người khác]	Xây dựng	2019	10
1073	DT(20):TH.002052-66, TH.003062-5, TH.004782	Hướng dẫn giải bài tập hình học họa hình / Nguyễn Quang Cự, Nguyễn Mạnh Dũng	Xây dựng	2004	20
1074	DT(5):XD.003823-7	Hướng dẫn giải bài tập Hình học họa hình / Nguyễn Quang Cự, Nguyễn Mạnh Dũng (Chủ biên)	Xây dựng	2015	5
1075	DT(10):TH.002358-63, TH.004546-8, TH.004726	Bài tập hình học họa hình / Vũ Hoàng Thái	Giáo dục	2009	10
1076	DT(9):TH.000879-84, TH.004561-3	Hình học họa hình : (Sách dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng) / Vũ Hoàng Thái	Giáo dục	2009	9

Vinh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Giám đốc


Nguyễn Đức Bình

Người lập


Lâm Thu Trang